|  |  |
| --- | --- |
| **CHÍNH PHỦ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| Số:     /2025/NĐ-CP | *Hà Nội, ngày     tháng     năm 2025* |

**NGHỊ ĐỊNH**

**Về phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực nội vụ theo mô hình chính quyền địa phương hai cấp**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;*

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ;*

*Chính phủ ban hành Nghị định về phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực nội vụ theo mô hình chính quyền địa phương hai cấp.*

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Nghị định này quy định về nguyên tắc, nội dung, và trách nhiệm phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực nội vụ khi tổ chức chính quyền địa phương hai cấp.

2. Việc phân định thẩm quyền khi tổ chức chính quyền địa phương hai cấp theo Nghị định này là vấn đề phát sinh trong quá trình sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước có nội dung khác hoặc chưa được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật (trừ Hiến pháp), văn bản hành chính và các hình thức văn bản khác đang còn hiệu lực tại thời điểm thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước.

3. Nghị định này phân định lại nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương cấp huyện và điều chỉnh các quy định khác có liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương cấp huyện đang được quy định trong các điều, khoản, điểm có liên quan tại luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Nghị định của Chính phủ để thống nhất áp dụng trong thời gian chưa sửa đổi, bổ sung cụ thể các văn bản quy phạm pháp luật.

**Điều 2. Nguyên tắc**

1. Bảo đảm phù hợp với quy định của Hiến pháp và bảo đảm cơ sở pháp lý cho hoạt động bình thường, liên tục, thông suốt của các cơ quan; không để gián đoạn công việc, không để chồng chéo, trùng lặp hoặc bỏ sót chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực, địa bàn; không làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của xã hội, người dân, doanh nghiệp.

2. Bảo đảm không làm gián đoạn việc thực hiện điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế và không làm ảnh hưởng đến việc thực hiện các cam kết quốc tế của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

3. Việc phân định thẩm quyền bảo đảm nguyên tắc chính quyền cấp xã mới đảm nhận các nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền cấp xã và nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền cấp huyện hiện nay, trực tiếp phục vụ người dân, tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn.

4. Bảo đảm quyền con người, quyền công dân; bảo đảm công khai, minh bạch, tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức trong việc tiếp cận thông tin, thực hiện các quyền, nghĩa vụ và các thủ tục theo quy định của pháp luật.

**Điều 3. Phân định thẩm quyền trong lĩnh vực nội vụ**

1. Khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, chức danh có thẩm quyền theo quy định của pháp luật ở cấp huyện được chuyển giao cho cơ quan, chức danh có thẩm quyền ở cấp tỉnh và cấp xã.

2. Khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp, nội dung quy định về tên gọi đơn vị hành chính cấp huyện sẽ chuyển thành đơn vị hành chính cấp xã hoặc được bãi bỏ.

3. Đối với những nhiệm vụ, thẩm quyền có thủ tục hành chính, Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể trên cơ sở thủ tục hành chính hiện hành, bảo đảm không làm tăng thêm thủ tục thành phần hồ sơ, thời hạn giải quyết thủ tục hành chính.

4. Nội dung phân định thẩm quyền trong lĩnh vực nội vụ tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được quy định cụ thể tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

**Điều 4. Trách nhiệm của Cơ quan, chức danh có thẩm quyền tiếp nhận chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn**

1. Cơ quan, chức danh có thẩm quyền ở cấp tỉnh, cấp xã tiếp tục thực hiện các công việc, thủ tục đang được cơ quan, chức danh có thẩm quyền ở cấp huyện thực hiện bảo đảm tính thống nhất trong thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước trong lĩnh vực nội vụ trên địa bàn; không để xảy ra khoảng trống, chồng chéo hoặc bỏ sót trách nhiệm quản lý.

2. Trường hợp sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính dẫn đến tên gọi của chính quyền địa phương cấp xã thay đổi thì thẩm quyền, trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ thuộc chính quyền địa phương cấp xã mới sau sắp xếp, tổ chức lại.

3. Không thực hiện lại; không yêu cầu cá nhân, tổ chức thực hiện lại các công việc, thủ tục hành chính đã thực hiện trước khi mô hình chính quyền địa phương hai cấp đi vào hoạt động.

4. Trường hợp văn bản hiện hành quy định trách nhiệm phối hợp công tác giữa cơ quan, chức danh có thẩm quyền ở cấp huyện với cơ quan, chức danh khác thì cơ quan, chức danh tiếp nhận chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, chức danh có thẩm quyền ở cấp huyện tiếp tục thực hiện nội dung công việc đó theo quy định.

5. Chủ động tiếp nhận và quản lý hồ sơ, tài liệu về các công việc đang giải quyết, thuộc chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

6. Chủ động cập nhật, phản ánh tình hình thực hiện nhiệm vụ, khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai về cơ quan chuyên môn cấp trên có thẩm quyền để được hướng dẫn, tháo gỡ kịp thời.

7. Kịp thời đề xuất với cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh những nội dung không còn phù hợp trong quá trình triển khai thực hiện.

8. Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm giải quyết các thủ tục giải thể của hội, quỹ hoạt động trong phạm vi cấp huyện sau khi kết thúc hoạt động của đơn vị hành chính cấp huyện.

**Điều 5. Bãi bỏ toàn bộ các điều, khoản sau có nội dung liên quan đến chính quyền địa phương cấp huyện**

1. Điểm d khoản 1 Điều 75, Khoản 2 Điều 80 Luật Thi đua khen thưởng 2022;

2. Khoản 3 Điều 83, Điều 85, Khoản 4 Điều 86 Luật Dân chủ cơ sở 2022;

3. Khoản 2 Điều 51 Pháp lệnh số 02/2020/UBTVQH14 ưu đãi người có công với cách mạng

4. Điều 6 Nghị định số 70/2008/NĐ-CP ngày 04/6/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của của Luật Bình đẳng giới;

5. Khoản 3 Điều 5 Nghị định số 56/2013/NĐ-CP ngày 22/5/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Pháp lệnh quy định danh hiệu vinh dự Nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”;

6. Khoản 3 Điều 24 Nghị đinh số 39/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động;

7. Khoản 7 Điều 9, Điểm c Khoản 2 Điều 10, Mẫu 11B Nghị định số 112/2017/NĐ-CP ngày 06/10/2017 của Chính phủ quy định về chế độ, chính sách đối với thanh niên xung phong cơ sở ở miền Nam tham gia kháng chiến giai đoạn 1965 – 1975;

8. Điểm c khoản 2 Điều 14, Điểm c khoản 3 Điều 14 Nghị định số 93/2019/NĐ-CP ngày 25/11/2019 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện;

9. Khoản 2 Điều 91 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động;

10. Khoản 2 Điều 15 Nghị định số 125/2021/NĐ-CP ngày 28/12/2021 của Chính phủ ban hành Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bình đẳng giới;

11. Khoản 2 Điều 149, Khoản 2 Điều 177 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng;

12. Khoản 2 Điều 4, Khoản 3 Điều 8 Nghị định số 28/2024/NĐ-CP ngày 06/3/2024 của Chính phủ quy định chi tiết về trình tự, thủ tục xét tặng, truy tặng “Huy chương Thanh niên xung phong vẻ vang” và việc khen thưởng tổng kết thành tích kháng chiến;

13. Khoản 3 Điều 4, Khoản 3 Điều 8, Điểm c khoản 6 Điều 10 Nghị định số 126/2024/NĐ-CP ngày 08/10/2024 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội;

14. Điểm a, điểm b, điểm c , điểm d Khoản 4 Điều 18; Khoản 2 Điều 30 Nghị định số 143/2024/NĐ-CP ngày 01/11/2024 của Chính phủ quy định về bảo hiểm tai nạn lao động theo hình thức tự nguyện đối với người lao động làm việc không theo hợp đồng lao động.

**Điều 6. Hiệu lực thi hành**

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

2. Nghị định này được thực hiện đến hết ngày 28 tháng 02 năm 2027.

3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  – Ban Bí thư Trung ương Đảng;  – Các Phó Thủ tướng Chính phủ;  – Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;  – HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;  – Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;  – Văn phòng Tổng Bí thư;  – Văn phòng Chủ tịch nước;  – Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;  – Văn phòng Quốc hội;  – Tòa án nhân dân tối cao;  – Viện kiểm sát nhân dân tối cao;  – Kiểm toán nhà nước;  – Ngân hàng Chính sách xã hội;  – Ngân hàng Phát triển Việt Nam;  – Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;  – Cơ quan trung ương của các đoàn thể;  – VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;  – Lưu: VT, KSTT(2b). | **TM. CHÍNH PHỦ**  **KT. THỦ TƯỚNG**  **PHÓ THỦ TƯỚNG THƯỜNG TRỰC**  **Nguyễn Hòa Bình** |

**PHỤ LỤC. DANH MỤC NHIỆM VỤ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC LĨNH VỰC NỘI VỤ**

**LIÊN QUAN ĐẾN TỔ CHỨC CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG HAI CẤP**

1. **NHIỆM VỤ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC THUỘC THẨM QUYỀN CẤP XÃ**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | | **Văn bản quy định** | **Điều khoản quy định** | **Nhiệm vụ và thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ** | **Ghi chú** |
| 1. **LĨNH VỰC VIỆC LÀM, AN TOÀN LAO ĐỘNG** | | | | | |
|  | 1. 1.1 | Luật An toàn, vệ sinh lao động năm 2015 | Điểm b Khoản 1 Điều 34 | Đối với các vụ tai nạn quy định tại điểm a khoản này làm chết người hoặc làm bị thương nặng từ hai người lao động trở lên thì người sử dụng lao động có trách nhiệm khai báo ngay với cơ quan quản lý nhà nước về lao động cấp tỉnh nơi xảy ra tai nạn; trường hợp tai nạn làm chết người thì phải đồng thời báo ngay cho cơ quan **công an cấp xã** |  |
| 1. 1.2 | Điểm d khoản 1 Điều 34 | Khi xảy ra tai nạn lao động làm chết người hoặc bị thương nặng đối với người lao động làm việc không theo hợp đồng lao động thì gia đình nạn nhân hoặc người phát hiện có trách nhiệm khai báo ngay với **Ủy ban nhân dân cấp xã** nơi xảy ra tai nạn lao động để kịp thời có biện pháp xử lý.  Trường hợp xảy ra tai nạn lao động chết người, tai nạn lao động làm bị thương nặng từ hai người lao động trở lên thì Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm thông báo ngay với cơ quan Công an cấp xã và báo cáo cơ quan quản lý nhà nước về lao động cấp tỉnh nơi xảy ra tai nạn để kịp thời có biện pháp xử lý.  Trường hợp xảy ra sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động liên quan đến người lao động làm việc không theo hợp đồng lao động thì người phát hiện có trách nhiệm kịp thời khai báo với **Ủy ban nhân dân cấp xã** tại nơi xảy ra sự cố kỹ thuật và việc báo cáo thực hiện theo quy định tại Điều 19 và Điều 36 của Luật này. |  |
|  | Khoản 1 Điều 35 | Người sử dụng lao động có trách nhiệm thành lập Đoàn điều tra tai nạn lao động cấp cơ sở để tiến hành điều tra tai nạn lao động làm bị thương nhẹ, tai nạn lao động làm bị thương nặng một người lao động thuộc thẩm quyền quản lý của mình, trừ trường hợp đã được điều tra theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này hoặc tai nạn lao động được cơ quan nhà nước có thẩm quyền điều tra theo quy định của pháp luật chuyên ngành.  Thành phần Đoàn điều tra tai nạn lao động cấp cơ sở gồm có người sử dụng lao động hoặc người đại diện được người sử dụng lao động ủy quyền bằng văn bản làm Trưởng đoàn và các thành viên là đại diện Ban chấp hành công đoàn cơ sở hoặc đại diện tập thể người lao động khi chưa thành lập tổ chức công đoàn cơ sở, người làm công tác an toàn lao động, người làm công tác y tế và một số thành viên khác.  Trường hợp tai nạn lao động làm bị thương nặng một người lao động làm việc không theo hợp đồng lao động thì Ủy ban nhân dân cấp xã nơi xảy ra tai nạn lao động phải lập biên bản ghi nhận sự việc **để thống kê tai nạn lao động.** | Thay cụm từ: “và báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi xảy ra tai nạn” tại cuối khoản 1 bằng cụm từ: “để thống kê tai nạn lao động” |
|  |  | Nghị đinh 39/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động | Điểm a Khoản 1 Điều 10 | Khai báo bằng cách nhanh nhất (trực tiếp hoặc điện thoại, fax, công điện, thư điện tử) với **Sở Nội vụ,** nơi xảy ra tai nạn; trường hợp tai nạn làm chết người đồng thời báo ngay cho **cơ quan Công an cấp xã** | Mẫu quy định tại Phụ lục III có cần điều chỉnh không (CQ huyện) |
|  | Điểm a Khoản 2 Điều 10 | Khai báo bằng cách nhanh nhất (trực tiếp hoặc điện thoại, fax, công điện, thư điện tử) với **Sở Nội vụ**, nơi xảy ra tai nạn và với Bộ quản lý ngành lĩnh vực đó theo thẩm quyền quy định tại Khoản 2 Điều 21 Nghị định này, trừ trường hợp luật chuyên ngành có quy định khác; trường hợp tai nạn làm chết người thì phải đồng thời báo ngay cho **Công an cấp xã** |  |
|  | Điểm b Khoản 3 Điều 10 | Khi nhận được tin xảy ra tai nạn lao động làm chết người hoặc làm bị thương nặng từ 02 người lao động trở lên, Ủy ban nhân dân cấp xã, nơi xảy ra tai nạn phải báo bằng cách nhanh nhất (trực tiếp hoặc điện thoại, fax, công điện, thư điện tử) với **Sở Nội vụ** và **Công an cấp xã** theo mẫu quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định này |  |
|  | Khoản 2 Điều 11 | 2. Đoàn Điều tra tai nạn lao động cấp tỉnh  a) Khi nhận được tin báo xảy ra tai nạn làm chết người hoặc làm từ 02 người bị tai nạn nặng trở lên thuộc thẩm quyền Điều tra**, Sở Nội vụ** cử người đến hiện trường trong thời hạn 02 giờ và thông báo cho các cơ quan cử người tham gia Đoàn Điều tra tai nạn lao động cấp tỉnh.  b) Đối với các vụ tai nạn quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều 19 Nghị định này, sau khi nhận đủ hồ sơ, tài liệu có liên quan đến vụ tai nạn lao động, **Sở Nội vụ** thông báo cho các cơ quan cử người tham gia Đoàn Điều tra tai nạn lao động cấp tỉnh, tiến hành Điều tra và lập biên bản xác minh tai nạn lao động.  c) Giám đốc **Sở Nội vụ** quyết định thành lập Đoàn Điều tra tai nạn lao động cấp tỉnh theo mẫu quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định này.” để liên thông với quy định về khai báo. |  |
|  | Khoản 2 Điều 24 | Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo tai nạn lao động, sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động nghiêm trọng liên quan đến người lao động làm việc không theo hợp đồng lao động xảy ra trên địa bàn theo quy định tại Khoản 2 Điều 36 Luật An toàn, vệ sinh lao động với **Sở Nội vụ** theo mẫu quy định Phụ lục XVI ban hành kèm theo Nghị định này trước ngày 05 tháng 7 đối với báo cáo 6 tháng đầu năm và trước ngày 05 tháng 01 năm sau đối với báo cáo năm. | Thay cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp huyện” bằng cụm từ “Sở Nội vụ”  Bỏ khoản 3 Điều 24 |
|  | Khoản 1 Điều 26 | Khi xảy ra sự cố làm chết người hoặc làm bị thương nặng từ 02 người trở lên mà nạn nhân không phải là người lao động thuộc quyền quản lý hoặc có người lao động bị nạn nhưng chưa rõ thương vong thì người sử dụng lao động của cơ sở để xảy ra sự cố phải khai báo bằng cách nhanh nhất với **Sở Nội vụ**, nơi xảy ra sự cố, với **Công an cấp xã** nếu nạn nhân bị chết theo theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này |  |
|  | Điểm a Khoản 3 Điều 26 | Người phát hiện hoặc nhận được tin báo xảy ra sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động nghiêm trọng báo ngay cho người sử dụng lao động của cơ sở để xảy ra sự cố hoặc **Ủy ban nhân dân cấp xã** nơi xảy ra sự cố | Bỏ đoạn: “Người sử dụng lao động, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm báo ngay về Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi xảy ra sự cố;” |
|  | Mẫu Phụ lục 3, 4 | Gửi khai báo về Sở Nội vụ và Công an cấp xã |  |
|  | Phụ lục XVI | Mẫu báo cáo tai nạn lao động của người lao động làm việc không theo hợp đồng lao động trên địa bàn | Bổ sung nội dung “gửi về Sở Nội vụ” |
|  |  | Nghị định số 143/2024/NĐ-CP ngày 01/11/2024 của Chính phủ quy định về bảo hiểm tai nạn lao động theo hình thức tự nguyện đối với người lao động làm việc không theo hợp đồng lao động | Điểm b khoản 2 Điều 18 | Khi nhận được tin báo tai nạn của người lao động hoặc gia đình người lao động bị tai nạn, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi xảy ra tai nạn phải báo bằng cách nhanh nhất (trực tiếp hoặc điện thoại, fax, công điện, thư điện tử) với **Sở Nội vụ** theo mẫu báo cáo nhanh quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này; trường hợp xảy ra tai nạn lao động chết người, tai nạn lao động làm bị thương nặng từ hai người lao động trở lên thì đồng thời phải báo với **cơ quan Công an cấp xã** nơi xảy ra tai nạn |  |
|  | Khoản 2 Điều 21 | 2. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền điều tra, điều tra lại tai nạn lao động chịu trách nhiệm chi trả các chi phí bao gồm: dựng lại hiện trường; chụp, in, phóng ảnh hiện trường và nạn nhân; trưng cầu giám định kỹ thuật, giám định pháp y (khi cần thiết); khám nghiệm tử thi; in ấn các tài liệu liên quan đến vụ tai nạn lao động; phương tiện đi lại tại nơi xảy ra tai nạn lao động phục vụ quá trình điều tra tai nạn lao động; tổ chức cuộc họp công bố biên bản điều tra tai nạn lao động và các chi phí hợp lý liên quan đến điều tra tai nạn lao động của người lao động. | Bỏ cụm “Ủy ban nhân dân cấp huyện” |
|  |  | Nghị định 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm | Khoản 2 Điều 3 | Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh); **Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã** quyết định thực hiện chính sách việc làm công đối với các dự án, hoạt động theo quy định tại Khoản 1 Điều này | Bỏ đoạn “Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện)” |
|  | Khoản 1 Điều 4 | Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có dự án, hoạt động thực hiện chính sách việc làm công về phạm vi, nội dung công việc cần thực hiện; chất lượng, tiến độ công việc cần đạt được và nhu cầu sử dụng lao động tham gia thực hiện chính sách việc làm công | Bỏ đoạn: “ Ủy ban nhân dân cấp huyện” |
|  | Điểm a khoản 1 Điều 29 | Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ vay vốn, Ngân hàng Chính sách xã hội địa phương tổ chức thẩm định, trình **Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã** nơi thực hiện dự án phê duyệt; |  |
|  | Điểm b khoản 1 Điều 29 | Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình duyệt, **Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã** nơi thực hiện dự án xem xét, phê duyệt. Nếu không ra quyết định phê duyệt thì trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do để Ngân hàng Chính sách xã hội địa phương nơi thực hiện dự án thông báo cho người vay. |  |
| 1. **LĨNH VỰC TIỀN LƯƠNG VÀ BẢO HIỂM XÃ HỘI** | | | | | |
|  |  | Bộ luật Lao động 2019 | Khoản 5 Điều 119 | Căn cứ điều kiện cụ thể, cơ quan chuyên môn về lao động thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thể ủy quyền cho cơ quan chuyên môn về lao động thuộc **Ủy ban nhân dân cấp xã** thực hiện việc đăng ký nội quy lao động theo quy định tại Điều này. |  |
|  | Điều 211 | Trong thời hạn 12 giờ kể từ khi nhận được thông báo về cuộc đình công không tuân theo quy định tại các điều 200, 201 và 202 của Bộ luật này, **Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã** nơi đặt trụ sở chính của doanh nghiệp chủ trì, phối hợp với công đoàn cùng cấp, cơ quan, tổ chức có liên quan trực tiếp gặp gỡ người sử dụng lao động và đại diện ban lãnh đạo tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở để nghe ý kiến, hỗ trợ các bên tìm biện pháp giải quyết, đưa hoạt động sản xuất, kinh doanh trở lại bình thường.  Trường hợp phát hiện có hành vi vi phạm pháp luật thì lập biên bản, tiến hành xử lý hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý cá nhân, tổ chức đã thực hiện hành vi vi phạm pháp luật theo quy định của pháp luật.  Đối với các nội dung tranh chấp lao động thì tùy từng loại tranh chấp, hướng dẫn, hỗ trợ các bên tiến hành các thủ tục giải quyết tranh chấp lao động theo quy định của Bộ luật này. |  |
|  |  | Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động | Khoản 2 Điều 4 | Định kỳ 06 tháng (trước ngày 05 tháng 6) và hằng năm (trước ngày 05 tháng 12), người sử dụng lao động phải báo cáo tình hình thay đổi lao động đến Sở Nội vụ thông qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia theo Mẫu số 01/PLI Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này và thông báo đến cơ quan **bảo hiểm xã hội khu vực** nơi đặt trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện. Trường hợp người sử dụng lao động không thể báo cáo tình hình thay đổi lao động thông qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia thì gửi báo cáo bằng bản giấy theo Mẫu số 01/PLI Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này đến Sở Nội vụ và thông báo đến cơ quan **bảo hiểm xã hội khu vực** nơi đặt trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện | Chuyển ngang  Thay cụm từ: “cơ quan bảo hiểm xã hội cấp huyện” thành “cơ quan bảo hiểm xã hội khu vực” |
|  | Khoản 1 Điều 91 | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo Sở Nội vụ: Hướng dẫn **cơ quan chuyên môn về nội vụ thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã** thực hiện tuyên truyền, phổ biến quy định pháp luật về lao động là người giúp việc gia đình; kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định về lao động là người giúp việc gia đình trên địa bàn |  |
|  | Điểm b Khoản 2, điểm d, e khoản 3, điểm a, b khoản 4 Điều 97 | **Điều 97. Quản lý hòa giải viên lao động**  2. Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh:  b) **Chỉ đạo cơ quan chuyên môn nghiên cứu xây dựng quy chế quản lý hòa giải viên lao động, trình cấp có thẩm quyền ban hành theo quy định của pháp luật.**  3. Sở Lao động – Thương binh và Xã hội  d) **Chủ trì, phối hợp với cơ quan chuyên môn thuộc Uỷ ban nhân dân cấp xã** cử hòa giải viên lao động thực hiện nhiệm vụ giải quyết tranh chấp và hỗ trợ phát triển quan hệ lao động; bảo đảm điều kiện làm việc đối với hòa giải viên lao động; đánh giá hoạt động và mức độ hoàn thành nhiệm vụ của hòa giải viên lao động; thực hiện chế độ bồi dưỡng, thi đua, khen thưởng đối với hòa giải viên lao động theo quy định; thực hiện quản lý hồ sơ hòa giải viên lao động, hồ sơ các vụ việc giải quyết tranh chấp và các tài liệu liên quan khác;  e) Thực hiện kiểm tra, giám sát công tác hòa giải lao động theo quy định của pháp luật  4. **Cơ quan chuyên môn thuộc Uỷ ban nhân dân cấp xã**  **a) Phối hợp với Sở Nội vụ rà soát nhu cầu tuyển chọn, bổ nhiệm hòa giải viên lao động trên địa bàn; thông báo công khai kế hoạch tuyển chọn hòa giải viên lao động trên địa bàn thông qua cổng thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị và trên phương tiện thông tin đại chúng, xử lý hồ sơ đề nghị bổ nhiệm hòa giải viên lao động.**  b) **Phối hợp** **Sở Nội vụ** trong việc cử hòa giải viên lao động thực hiện nhiệm vụ cử hòa giải viên lao động thực hiện nhiệm vụ giải quyết tranh chấp lao động và hỗ trợ phát triển quan hệ lao động, đánh giá hoạt động và mức độ hoàn thành nhiệm vụ của hòa giải viên lao động, cử hòa giải viên lao động tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ do **Bộ Nội vụ, Sở Nội vụ** tổ chức. |  |
|  | Khoản 2 Điều 110 | Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi nhận được báo cáo của Giám đốc Sở Nội vụ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, ra quyết định hoãn đình công. Trong thời hạn 12 giờ kể từ khi ra quyết định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải thông báo cho **Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã**, Chủ tịch Liên đoàn Lao động cấp tỉnh, Chủ tịch Hội đồng trọng tài lao động, tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở có quyền tổ chức và lãnh đạo đình công, người sử dụng lao động nơi dự kiến diễn ra đình công. Quyết định hoãn đình công của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có hiệu lực kể từ ngày ký |  |
|  | Khoản 1 Điều 111 | Khi xét thấy cuộc đình công thuộc các trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 109 Nghị định này, **Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã** xem xét đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định ngừng đình công, đồng thời gửi Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.Đề nghị ngừng đình công gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gồm các nội dung cơ bản sau: Tên người sử dụng lao động nơi đang diễn ra đình công; tên tổ chức đại diện người lao động tổ chức và lãnh đạo đình công; địa điểm đình công; thời điểm bắt đầu đình công; phạm vi diễn ra đình công; số lượng người lao động đang tham gia đình công; yêu cầu của tổ chức đại diện người lao động; lý do ngừng đình công; kiến nghị về việc ngừng đình công và các biện pháp để thực hiện quyết định ngừng đình công của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh |  |
|  | Khoản 2 Điều 111 | Trong thời hạn 12 giờ kể từ khi nhận được báo cáo của **Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã**, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội phải có ý kiến để Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét quyết định ngừng đình công |  |
|  | Khoản 3 Điều 111 | Trong thời hạn 12 giờ kể từ khi nhận được ý kiến của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, ra quyết định ngừng đình công. Trong thời hạn 12 giờ kể từ khi ra quyết định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải thông báo cho **Chủ tịch Liên đoàn Lao động cấp tỉnh, Chủ tịch Hội đồng trọng tài lao động, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã,** tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở có quyền tổ chức và lãnh đạo đình công, người sử dụng lao động nơi đang diễn ra đình công. Quyết định ngừng đình công của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có hiệu lực kể từ ngày ký. |  |
|  | Khoản 5 Điều 111 | Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi nhận được quyết định ngừng đình công của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, **Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã** phải báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về kết quả thực hiện ngừng đình công |  |
|  | Khoản 1 Điều 112 | Trong thời gian thực hiện quyết định hoãn, ngừng đình công theo yêu cầu của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, **Ủy ban nhân dân cấp xã**, phối hợp với Liên đoàn Lao động cấp tỉnh, tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở có quyền tổ chức và lãnh đạo đình công, người sử dụng lao động nơi bị hoãn, ngừng đình công và các cơ quan liên quan hỗ trợ các bên thương lượng, hòa giải để giải quyết quyền lợi của người lao động và các bất đồng khác liên quan. |  |
|  | Khoản 2 Điều 112 | Khi hết thời hạn hoãn, ngừng đình công theo quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh mà hai bên không thương lượng giải quyết được quyền lợi của người lao động và các bất đồng khác có liên quan thì tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở có quyền tổ chức và lãnh đạo đình công có thể tiếp tục tổ chức đình công nhưng phải thông báo bằng văn bản cho người sử dụng lao động, **Ủy ban nhân dân cấp xã**, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội biết ít nhất là 05 ngày làm việc trước ngày bắt đầu tiếp tục đình công. |  |
| 1. **LĨNH VỰC NGƯỜI CÓ CÔNG** | | | | | |
|  |  | Pháp lệnh số 02/2020/UBTVQH14 ưu đãi người có công với cách mạng | Điểm l khoản 1 Điều 14 | Do vết thương tái phát là nguyên nhân chính dẫn đến tử vong đối với thương binh, người hưởng chính sách như thương binh quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 23 của Pháp lệnh này có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 61% trở lên, có bệnh án điều trị vết thương tái phát của bệnh viện và biên bản kiểm thảo tử vong; | Bỏ cụm từ: “tuyến huyện trở lên” |
|  | Khoản 1 Điều 47 | Quỹ Đền ơn đáp nghĩa được xây dựng ở trung ương, cấp tỉnh, cấp xã bằng sự đóng góp theo trách nhiệm và tình cảm của tổ chức, cá nhân | Bỏ cụm từ: “cấp huyện” |
|  |  | Nghị định số 75/2021/NĐ-CP ngày 24/7/2021 của Chính phủ về việc quy định mức hưởng trợ cấp, phụ cấp và các chế độ ưu đãi người có công với cách mạng | Khoản 3 Điều 11 | Hỗ trợ cải tạo, nâng cấp, sửa chữa, bảo trì đài tưởng niệm liệt sĩ, đền thờ liệt sĩ, nhà bia ghi tên liệt sĩ: **ngân sách trung ương hỗ trợ tối đa 15 tỷ đồng/công trình theo nguyên tắc**:  a) Không hỗ trợ từ ngân sách trung ương đối với các địa phương tự cân đối ngân sách;  b) Hỗ trợ tối đa 50% tổng giá trị công trình được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đối với các địa phương có tỷ lệ điều tiết về ngân sách trung ương;  c) Hỗ trợ tối đa 70% tổng giá trị công trình được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đối với các địa phương chưa tự cân đối được ngân sách; riêng đối với các tỉnh miền núi, Tây Nguyên hỗ trợ tối đa 100% tổng giá trị công trình được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. | Bổ nội dung: “đối với công trình cấp tỉnh; 10 tỷ đồng đối với công trình cấp huyện; 02 tỷ đồng đối với công trình cấp xã, trong đó ngân sách trung ương hỗ trợ địa phương” |
|  |  | Nghị định 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng | Điểm a khoản 2 Điều 5 | a) Bản sao được chứng thực từ lý lịch theo quy định tại khoản 1 Điều này, từ hồ sơ khen thưởng Huân chương Sao vàng, Huân chương Hồ Chí Minh, Huân chương Độc lập hoặc từ hồ sơ, tài liệu đang lưu giữ tại cơ quan lưu trữ của Đảng, Nhà nước, bảo tàng lịch sử **cấp tỉnh.** | Thay cụm từ: ‘từ cấp huyện trở lên” thành cụm từ “cấp tỉnh” – Nội dung này là bỏ cấp huyện |
|  | Điểm a khoản 2 Điều 10 | a) Bản sao được chứng thực từ lý lịch theo quy định tại khoản 1 Điều này, từ hồ sơ khen thưởng Huân chương Hồ Chí Minh, Huân chương Độc lập hoặc từ hồ sơ, tài liệu đang lưu giữ tại cơ quan lưu trữ của Đảng, Nhà nước, bảo tàng lịch sử **cấp tỉnh**. | Thay cụm từ: ‘từ cấp huyện trở lên” thành cụm từ “cấp tỉnh” – Nội dung này là bỏ cấp huyện |
|  | Khoản 4 Điều 16 | 4. Người hy sinh thuộc cơ quan cấp tỉnh quản lý **hoặc thuộc cơ quan cấp huyện quản lý trước ngày 01/7/2025** do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp giấy chứng nhận. |  |
|  | Khoản 5 Điều 16 | 5. **Người hy sinh thuộc cơ quan cấp xã** và các trường hợp không thuộc quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 Điều này do **Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã** cấp giấy chứng nhận. |  |
|  | Điểm b khoản 1 Điều 17 | Người hy sinh là sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ, công nhân, lao động hợp đồng không xác định thời hạn hưởng lương từ ngân sách trong công an do **thủ trưởng công an cấp xã** hoặc tương đương cấp |  |
|  | Khoản 8 Điều 17 | Đối với trường hợp thương binh chết do vết thương tái phát quy định tại điểm l khoản 1 Điều 14 Pháp lệnh việc cấp giấy chứng nhận hy sinh phải căn cứ trên cơ sở bản tóm tắt hồ sơ bệnh án và biên bản kiểm thảo tử vong xác định nguyên nhân chính gây tử vong là do vết thương cũ tái phát của **Trung tâm y tế xã hoặc Bệnh viện** |  |
|  | Khoản 4 Điều 36 | 4. Người khi bị thương thuộc cơ quan cấp tỉnh quản lý hoặc **người bị thương thuộc cơ quan cấp huyện quản lý trước ngày 01/7/2025** do **Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.** |  |
|  | Khoản 5 Điều 36 | 5. Người khi bị thương thuộc cơ quan cấp xã; thuộc các doanh nghiệp đóng trên địa bàn và các trường hợp không thuộc quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 Điều này do **Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.** |  |
|  | Điểm a khoản 1 Điều 41 | a) Cá nhân làm đơn đề nghị theo Mẫu số 33 Phụ lục I Nghị định này gửi cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận bị thương kèm bản tóm tắt bệnh án điều trị vết thương tái phát **của bệnh viện** (bao gồm cả bệnh viện quân đội, công an), nếu đã phẫu thuật phải có thêm phiếu phẫu thuật. | Bỏ cụm từ: “tuyến huyện hoặc trung tâm y tế hoặc tương đương trở lên” |
|  | Điểm a khoản 1 Điều 42 | a) Cá nhân làm đơn đề nghị theo Mẫu số 33 Phụ lục I Nghị định này gửi cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận bị thương. Trường hợp người bị thương còn sót mảnh kim khí phải kèm theo kết quả chụp, chiếu và chẩn đoán **của bệnh viện** (bao gồm cả bệnh viện quân đội, công an); Trường hợp đã phẫu thuật lấy dị vật thì phải kèm theo phiếu phẫu thuật hoặc tóm tắt hồ sơ bệnh án ghi nhận nội dung này. | Bỏ cụm từ: “tuyến huyện hoặc trung tâm y tế hoặc tương đương trở lên” |
|  | Khoản 3 Điều 48 | 3. Bản tóm tắt hồ sơ bệnh án trong ngày hoặc ngay sau ngày thực hiện nhiệm vụ thể hiện quá trình điều trị bệnh do có liên quan trực tiếp đến việc thực hiện nhiệm vụ cấp bách, nguy hiểm **của bệnh viện** (bao gồm cả bệnh viện quân đội, công an). | Bỏ cụm từ: “tuyến huyện hoặc trung tâm y tế hoặc tương đương trở lên” |
|  | Điểm a, đ khoản 2 Điều 54 | 2. Một trong các giấy tờ ghi nhận mắc bệnh hoặc dị dạng, dị tật như sau:  a) Bản tóm tắt hồ sơ bệnh án **của bệnh viện** (bao gồm cả bệnh viện quân đội, công an) theo mẫu quy định của Bộ Y tế.  …  đ) Bản tóm tắt hồ sơ bệnh án của lần điều trị cuối cùng ghi nhận quá trình điều trị về bệnh rối loạn tâm thần liên tiếp trong 03 năm trở lên của **bệnh viện** (bao gồm cả bệnh viện quân đội, công an) với các bệnh rối loạn tâm thần có liên quan đến phơi nhiễm với chất độc hóa học theo quy định tại khoản 15 Phụ lục V Nghị định này. | Bỏ cụm từ: “tuyến huyện hoặc trung tâm y tế hoặc tương đương trở lên” |
|  | Điểm b khoản 2 Điều 72 | b) Được ghi nhận là liệt sĩ tại một trong các giấy tờ sau: Huân chương; Huy chương; Giấy chứng nhận đeo Huân chương; Giấy chứng nhận đeo Huy chương; Bảng vàng danh dự; Bảng gia đình vẻ vang; lịch sử Đảng bộ cấp xã trở lên được cơ quan Đảng có thẩm quyền thẩm định bằng văn bản và đã xuất bản; lý lịch cán bộ, lý lịch đảng viên của thân nhân được xác lập từ ngày 31 tháng 12 năm 1994 trở về trước; nếu được ghi nhận trong nhà bia ghi tên liệt sĩ thì phải có văn bản xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi quản lý nhà bia và căn cứ để khắc tên liệt sĩ. |  |
|  | Khoản 3 Điều 75 | 3. Ủy ban nhân dân **cấp xã** trong thời gian 60 ngày kể từ ngày nhận đủ giấy tờ theo quy định tại khoản 2 Điều này có trách nhiệm sau:  a) Giao **cơ quan chuyên môn** kiểm tra hồ sơ, xác nhận người có công để xét duyệt từng hồ sơ; lập biên bản xét duyệt theo Mẫu số 79 Phụ lục I Nghị định này.  b) Cấp giấy chứng nhận hy sinh đối với những trường hợp thuộc thẩm quyền; chuyển toàn bộ hồ sơ về Sở Nội vụ để xem xét trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.  Trường hợp không thuộc thẩm quyền cấp giấy chứng nhận hy sinh của Chủ tịch Ủy ban nhân dân **cấp xã** thì chuyển hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 hoặc khoản 4 Điều 16 Nghị định này.  Trường hợp người hy sinh là Thanh niên xung phong, nếu thuộc Bộ Xây dựng quản lý thì chuyển hồ sơ đến Bộ Xây dựng để cấp giấy chứng nhận hy sinh, nếu thuộc các cơ quan, đơn vị khác quản lý thì chuyển đến Sở Nội vụ để xem xét trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp giấy chứng nhận hy sinh.  Đối với trường hợp chưa xác định được cơ quan, đơn vị có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận hy sinh thì báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập Hội đồng xác minh (Sở Nội vụ là cơ quan thường trực) để kết luận, giao cơ quan chức năng cấp giấy chứng nhận hy sinh theo thẩm quyền. |  |
|  | Điểm b khoản 1 Điều 77 | b) Trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 76 Nghị định này thì kèm theo kết quả chụp phim và kết luận của **bệnh viện** (bao gồm cả bệnh viện quân đội, công an). Nếu đã phẫu thuật lấy dị vật thì phải kèm theo phiếu phẫu thuật hoặc giấy ra viện hoặc tóm tắt hồ sơ bệnh án ghi nhận nội dung này. | Bỏ cụm từ: “tuyến huyện hoặc trung tâm y tế hoặc tương đương trở lên” |
|  | Điểm b khoản 1 Điều 79 | b) Trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 76 Nghị định này thì kèm theo kết quả chụp phim và kết luận của **bệnh viện** (bao gồm cả bệnh viện quân đội, công an). Nếu đã phẫu thuật lấy dị vật thì phải kèm theo phiếu phẫu thuật hoặc giấy ra viện hoặc tóm tắt hồ sơ bệnh án ghi nhận nội dung này. | Bỏ cụm từ: “tuyến huyện hoặc trung tâm y tế hoặc tương đương trở lên” |
|  | Điểm b, c khoản 2 Điều 79 | b) Trong thời gian 12 ngày kể từ ngày có kết quả niêm yết công khai phải tổ chức họp Hội đồng xác nhận người có công cấp xã để xem xét đối với các trường hợp không có ý kiến khiếu nại, tố cáo của nhân dân, lập biên bản theo Mẫu số 79 Phụ lục I Nghị định này; gửi biên bản họp Hội đồng xác nhận người có công, biên bản kết quả niêm yết công khai kèm theo giấy tờ, hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này đến Công an **cấp xã**.  c) Trường hợp người bị thương trước khi tham gia công an thường trú ở địa phương khác thì trong thời gian 03 ngày làm việc có văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người bị thương thường trú trước khi tham gia công an thực hiện các thủ tục quy định tại điểm a, điểm b khoản này.  Trong thời gian 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đủ giấy tờ theo quy định tại điểm a, điểm b khoản này, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người bị thương thường trú; gửi biên bản họp Hội đồng xác nhận người có công, biên bản kết quả niêm yết công khai, kèm theo giấy tờ, hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này đến Công an **cấp xã**. |  |
|  | Khoản 1 Điều 80 | 1. Người bị thương lập bản khai theo Mẫu số 08 Phụ lục I Nghị định này và tùy từng trường hợp để kèm theo giấy tờ quy định tại khoản 1 Điều 79 Nghị định này gửi cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý (Công an **cấp xã** hoặc tương đương). |  |
|  | Khoản 3 Điều 81 | 3. Ủy ban nhân dân cấp xã trong thời gian 60 ngày kể từ ngày nhận đủ giấy tờ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều này có trách nhiệm sau:  a) Giao **cơ quan chuyên môn** kiểm tra hồ sơ, xác nhận người có công để xét duyệt từng hồ sơ; lập biên bản xét duyệt.  Chỉ đạo cơ quan y tế **cấp xã** kiểm tra vết thương thực thể và lập biên bản theo Mẫu số 46 Phụ lục I Nghị định này đối với trường hợp các giấy tờ quy định tại điểm a khoản 2 Điều 76 Nghị định này không ghi nhận các vết thương cụ thể hoặc trường h  ợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 76 Nghị định này mà có khai thêm các vết thương khác.  b) Cấp giấy chứng nhận bị thương đối với những trường hợp thuộc thẩm quyền; chuyển toàn bộ hồ sơ về Sở Nội vụ để trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có công văn đề nghị Bộ Nội vụ thẩm định.  c) Trường hợp không thuộc thẩm quyền cấp giấy chứng nhận bị thương của Chủ tịch Ủy ban nhân dân **cấp tỉnh** thì chuyển hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 hoặc 4 Điều 36 Nghị định này.  Người bị thương là Thanh niên xung phong nếu thuộc **Bộ Xây dựng** quản lý thì chuyển hồ sơ đến Bộ Xây dựng để cấp giấy chứng nhận bị thương. Người bị thương là Thanh niên xung phong nếu thuộc các cơ quan, đơn vị khác quản lý thì chuyển đến Sở Nội vụ để xem xét trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp giấy chứng nhận bị thương. |  |
|  | Khoản 1 Điều 98 | 1. **Cơ quan chuyên môn về nội vụ thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã** là cơ quan thực hiện chi trả chế độ ưu đãi trong giáo dục nghề nghiệp, đại học theo phương thức trực tiếp hoặc qua tài khoản cá nhân theo yêu cầu của người học. |  |
|  | Khoản 2 Điều 151 | 2. Đài tưởng niệm liệt sĩ được xây dựng ở trung tâm chính trị, văn hóa của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; | Bỏ cụm từ: “trung tâm của huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh không có nghĩa trang liệt sĩ hoặc nơi có chiến tích lịch sử tiêu biểu” |
|  | Khoản 4 Điều 151 | 4. Nhà bia ghi tên liệt sĩ được xây dựng tại các xã, phường; | **Bỏ cụm từ quận, huyện không có nghĩa trang liệt sĩ”** |
|  | Khoản 1 Điều 174 | 1. Quỹ Đền ơn đáp nghĩa được thành lập ở bốn cấp, gồm: Quỹ cấp trung ương, **Quỹ cấp tỉnh và Quỹ cấp xã**. Quỹ Đền ơn đáp nghĩa từng cấp có Ban quản lý Quỹ và bộ phận giúp việc cho Ban quản lý Quỹ theo từng cấp hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm. | Bỏ cụm từ: ‘Quỹ cấp huyện” |
|  | Điểm b khoản 1 Điều 179 | b) **Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cấp xã** có trách nhiệm thành lập Quỹ Đền ơn đáp nghĩa và Ban Quản lý Quỹ Đền ơn đáp nghĩa cùng cấp.  Ban Quản lý Quỹ Đền ơn đáp nghĩa cấp tỉnh gồm: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh làm Trưởng ban, Giám đốc Sở Nội vụ làm Phó Trưởng ban Thường trực, đại diện lãnh đạo Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh làm Phó Trưởng ban và đại diện lãnh đạo Hội Cựu chiến binh, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Liên đoàn lao động cùng cấp làm thành viên.  Ban quản lý Quỹ Đền ơn đáp nghĩa cấp xã gồm: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã làm Trưởng ban, một cán bộ, công chức cấp xã phụ trách văn hóa - xã hội hoặc lao động - thương binh và xã hội làm Phó Trưởng ban Thường trực, đại diện lãnh đạo Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã làm Phó Trưởng ban và đại diện lãnh đạo Hội Cựu chiến binh, Hội Liên hiệp Phụ nữ cùng cấp làm thành viên. | Bỏ cụm từ “cấp huyện” và đoạn 02 về Ban quản lý Quỹ đền ơn đáp nghĩa cấp huyện |
| 1. **LĨNH VỰC THI ĐUA – KHEN THƯỞNG** | | | | | |
|  |  | Luật Thi đua khen thưởng 2022 | Khoản 1 Điều 29 | 1. Danh hiệu xã, phường, **đặc khu** tiêu biểu để tặng hằng năm cho xã, phường, **đặc khu** dẫn đầu phong trào thi đua **cấp xã** và đạt các tiêu chuẩn sau đây:  a) Thực hiện tốt các nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội được giao;  b) Đời sống kinh tế ổn định và từng bước phát triển;  c) Đời sống văn hóa, tinh thần lành mạnh, phong phú;  d) Môi trường an toàn, thân thiện, cảnh quan sạch đẹp;  đ) Chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. |  |
|  | Điểm c khoản 2 Điều 73 | Công nhân có sáng kiến mang lại lợi ích giá trị cao, **có phạm vi ảnh hưởng trong địa bàn cấp xã** và có đóng góp trong việc đào tạo, bồi dưỡng, giúp đỡ đồng nghiệp để nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề |  |
|  | Điểm d khoản 2 Điều 73 | Nông dân có mô hình sản xuất hiệu quả, ổn định từ 02 năm trở lên, **có phạm vi ảnh hưởng trong địa bàn cấp xã** và giúp đỡ hộ nông dân khác phát triển kinh tế, tạo việc làm cho người lao động |  |
|  | Khoản 3 Điều 80 | Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định tặng danh hiệu thôn, tổ dân phố văn hóa, “Gia đình văn hóa”, “Tập thể lao động tiên tiến”; “Chiến sĩ thi đua cơ sở”,“Lao động tiên tiến” và giấy khen. | Bãi bỏ khoản 2 Điều 80 nội dung về cấp huyện |
|  |  | Nghị định số 56/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Pháp lệnh quy định danh hiệu vinh dự Nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng” | Điểm a khoản 4 Điều 3 | 4. Tổ chức lễ tang khi Bà mẹ Việt Nam anh hùng từ trần được quy định như sau:  a) **Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã** chịu trách nhiệm tổ chức lễ tang với thành phần đại điện cấp ủy, chính quyền, các tổ chức chính trị - xã hội; cơ quan, đơn vị phụng dưỡng và nhân dân nơi bà mẹ cư trú; |  |
|  |  | Nghị định 98/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua khen thưởng | Khoản 5 Điều 7 | Chức danh Vụ trưởng và tương đương: Vụ trưởng, cục trưởng, viện trưởng, trưởng ban và tương đương thuộc ban, cơ quan của Đảng; bộ, ngành, cơ quan ngang bộ; Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương; Trưởng ban đảng, cơ quan trực thuộc tỉnh ủy, thành ủy; Ủy viên Hội đồng Biên tập Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật; Tổng Thư ký Liên hiệp Hội ở trung ương; Thư ký các đồng chí lãnh đạo chủ chốt, lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước; Vụ trưởng, trưởng các cơ quan, đơn vị và tương đương của các cơ quan thuộc Chính phủ; Ủy viên ban chấp hành đảng bộ tỉnh, thành phố, đảng bộ khối trực thuộc trung ương; Vụ trưởng và tương đương của Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, trưởng cơ quan, đơn vị của Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh; Phó Chánh án Toà án nhân dân cấp cao; Phó Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao; Phó giám đốc các học viện trực thuộc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh; Vụ trưởng, cục trưởng, trưởng cơ quan, đơn vị và tương đương thuộc tổng cục và tương đương tổng cục; Giám đốc sở, trưởng cơ quan, ban ngành, tổ chức chính trị - xã hội và tương đương cấp tỉnh; Phó tổng thư ký liên hiệp hội ở trung ương; trưởng ban, đơn vị các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở trung ương (đối với các tổ chức hội có đảng đoàn); Phó chủ tịch các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở trung ương (đối với các tổ chức hội không có đảng đoàn) và các chức danh tương đương theo quy định của cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị có thẩm quyền cụ thể hóa chức danh, chức vụ tương đương theo phân cấp quản lý cán bộ | Bãi bỏ cụm: “Bí thư quận, huyện, thị, thành ủy, đảng ủy trực thuộc tỉnh ủy” |
|  | Khoản 6 Điều 7 | Chức danh Phó vụ trưởng và tương đương: Phó vụ trưởng, phó cục trưởng, phó viện trưởng, phó trưởng ban và tương đương thuộc các ban, cơ quan của Đảng; bộ, ngành, cơ quan ngang bộ; Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương; Phó trưởng ban đảng, cơ quan trực thuộc tỉnh ủy, thành ủy; Phó chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, thành phố; Thư ký các đồng chí Ủy viên Trung ương Đảng, bộ trưởng và tương đương, bí thư tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc trung ương; Phó vụ trưởng, phó trưởng các cơ quan, đơn vị và tương đương của các cơ quan thuộc Chính phủ; Phó giám đốc sở, phó trưởng các cơ quan, ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội và tương đương ở cấp tỉnh; Ủy viên Ủy ban kiểm tra tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương; Phó vụ trưởng và tương đương của Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, phó trưởng các cơ quan, đơn vị của Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh; Phó vụ trưởng, phó trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc tổng cục và tương đương tổng cục; Phó trưởng ban, đơn vị các hội quần chúng có đảng đoàn do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở trung ương (đối với các tổ chức hội có đảng đoàn); Trưởng các hội cấp tỉnh được giao biên chế | Bãi bỏ cụm: “Phó bí thư quận, huyện, thị, thành ủy, đảng ủy trực thuộc tỉnh ủy, thành ủy; chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện” |
|  | Điểm a Khoản 1 Điều 17 | Tham gia hoạt động liên tục trong 02 cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, chống đế quốc Mỹ và đã đảm nhiệm một trong các chức vụ:  Vụ trưởng, Thường vụ tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc trung ương, Phó Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội chuyên trách, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương từ 06 năm đến dưới 10 năm.  Giám đốc sở, Trưởng ban, ngành, Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp tỉnh, Phó Vụ trưởng hoặc chức vụ tương đương từ 10 năm trở lên | Bãi bỏ cụm: “Bí thư, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương” |
|  | Điểm a Khoản 1 Điều 18 | Tham gia hoạt động liên tục trong 02 cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, chống đế quốc Mỹ, đã đảm nhiệm một trong các chức vụ:  Vụ trưởng, Thường vụ tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc trung ương, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương 05 năm.  Giám đốc sở, Trưởng ban, ngành, Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và Trưởng các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, Phó Vụ trưởng hoặc chức vụ tương đương từ 06 năm đến dưới 10 năm | Bãi bỏ cụm: Bí thư, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương |
|  | Khoản 5 Điều 29 | Đối với doanh nghiệp, tập thể cá nhân thuộc doanh nghiệp (kể cả doanh nghiệp FDI)  Doanh nghiệp, tập thể, cá nhân thuộc doanh nghiệp hoạt động tại địa phương nơi đặt trụ sở giao dịch (kể cả trong khu công nghiệp, khu chế xuất và bên ngoài khu công nghiệp, khu chế xuất) do người đứng đầu doanh nghiệp khen thưởng hoặc đề nghị **Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã** hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đặt trụ sở giao dịch khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng.  Đơn vị thành viên của doanh nghiệp, nhưng hạch toán độc lập và thực hiện nghĩa vụ ở địa phương nơi không đóng trụ sở chính, ngoài việc khen thưởng do người đứng đầu doanh nghiệp quyết định theo thẩm Quyền thì người đứng đầu đơn vị thành viên thực hiện việc khen thưởng theo thẩm quyền và đề **nghịChủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh** nơi đơn vị thành viên có trụ sở và thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng. | Bỏ cụm “cấp huyện” và “Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện” |
|  | Khoản 4 Điều 32 | Thời gian thẩm định hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng ở cấp xã và tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc bộ, ban, ngành, tỉnh:  Danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền quyết định của cấp xã và cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc bộ, ban, ngành, tỉnh: Cơ quan thi đua, khen thưởng thẩm định hồ sơ khen thưởng và trình cấp có thẩm quyền trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định (trừ khen thưởng đột xuất). | Bỏ cụm “cấp huyện thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương” và “cấp huyện” |
|  | Khoản 5 Điều 49 | Người đứng đầu sở, ban, ngành thuộc tỉnh và các đơn vị có tư cách pháp nhân trực thuộc tỉnh; Người đứng đầu Ủy ban nhân dân cấp xã, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị, người đại diện pháp luật của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác có trách nhiệm thành lập, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, thành phần, tổ chức và hoạt động của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của cấp mình để tham mưu, tư vấn về thực hiện công tác thi đua, khen thưởng thuộc phạm vi quản lý | Bỏ cụm “Ủy ban nhân dân cấp huyện” |
|  | Điểm điểm b khoản 3 Điều 50 | 3. Quỹ thi đua, khen thưởng của cấp tỉnh, cấp xã được hình thành từ nguồn ngân sách nhà nước hàng năm trong tổng chi ngân sách thường xuyên đối với mỗi cấp ngân sách thuộc các tỉnh, thành phố và được phân bổ ngay từ đầu năm theo tỷ lệ sau:  b) Quỹ thi đua, khen thưởng của cấp tỉnh, cấp xã được hình thành từ nguồn ngân sách nhà nước hàng năm với mức tối đa bằng 1,0% chi ngân sách thường xuyên đối với mỗi cấp ngân sách thuộc các tỉnh đồng bằng, thành phố trực thuộc trung ương và mức tối đa bằng 1,5% chi ngân sách thường xuyên đối với mỗi cấp ngân sách thuộc các tỉnh miền núi, trung du, Tây Nguyên, vùng sâu, vùng xa, khu vực hải đảo và từ nguồn đóng góp của cá nhân, tổ chức trong nước, nước ngoài. Đối với đơn vị không còn là cấp ngân sách mà thực hiện nhiệm vụ đơn vị dự toán ngân sách thì do thành phố trực thuộc trung ương phân bổ. | Bỏ cụm “cấp huyện” |
|  | Điểm b Khoản 1 Điều 104 | Họa tiết hoa văn trang trí xung quanh:  Đường diềm được trang trí bằng các họa tiết hoa văn nhưng không được giống hoặc tương tự với hoa văn trên các bằng khen cấp Nhà nước.  Chính giữa phía trên là:  Quốc huy Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đối với “Giấy khen” và bằng chứng nhận “Chiến sĩ thi đua cơ sở” của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc bộ, ngành, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Thủ trưởng cơ quan chuyên môn và tương đương thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, “Giấy khen” của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.  Biểu tượng của các cơ quan, tổ chức đối với “Giấy khen”, bằng chứng nhận “Chiến sĩ thi đua cơ sở” của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội, tổ chức xã hội, “Giấy khen” của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc, Giám đốc doanh nghiệp, hợp tác xã.  Đối với bằng chứng nhận “Chiến sĩ thi đua cơ sở” có thêm hàng cờ đỏ hai bên Quốc huy hoặc biểu tượng của các cơ quan đoàn thể.  Không có hoa văn bốn góc bên ngoài đường diềm và khối hoa văn chuyển tiếp giữa Quốc huy và đường diềm trang trí | Bỏ cụm “Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện” |
|  | Điểm b Khoản 1 Điều 106 | Họa tiết hoa văn trang trí xung quanh:  Đường diềm được trang trí bằng các họa tiết hoa văn không được giống hoặc tương tự với các bằng khen cấp nhà nước.  Chính giữa phía trên là Quốc huy Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và hàng cờ đỏ hai bên (đối với các bằng chứng nhận thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội, Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước, Tổng Kiểm toán nhà nước, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Thủ trưởng các cơ quan đơn vị có thẩm quyền thuộc Bộ Quốc phòng); là biểu tượng của các cơ quan, tổ chức và hàng cờ đỏ hai bên (đối với các bằng chứng nhận thuộc thẩm quyền Trưởng các Ban của Đảng và tương đương ở trung ương, Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, lãnh đạo cơ quan trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể) | Bỏ cụm “cấp huyện” |
|  | Mẫu 03 | 3Đơn vị hành chính: Xã (phường, **đặc khu** ); tỉnh (thành phố trực thuộc trung ương) | Bỏ cụm “huyện (quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; quận, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương)” |
|  | Mẫu 04 | 4Đơn vị hành chính: Xã (phường, **đặc khu** ), tỉnh (thành phố trực thuộc trung ương) theo địa danh mới | Bỏ cụm “huyện (quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh)” |
|  | Mẫu 06 | 3Đơn vị hành chính: Xã (phường, **đặc khu** ); tỉnh (thành phố thuộc trung ương) theo địa danh mới | Bỏ cụm “huyện (quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố)” |
| 1. **LĨNH VỰC TỔ CHỨC PHI CHÍNH PHỦ** | | | | | |
|  |  | Nghị định số 93/2019/NĐ-CP ngày 25/11/2019 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện | Khoản 1 Điều 30 | Ban Kiểm soát quỹ do Chủ tịch Hội đồng quản lý quỹ quyết định thành lập theo nghị quyết của Hội đồng quản lý quỹ. Đối với quỹ hoạt động trong phạm vi toàn quốc hoặc liên tỉnh, quỹ hoạt động trong phạm vi cấp tỉnh hoặc quỹ có cá nhân, tổ chức nước ngoài góp tài sản với công dân, tổ chức Việt Nam để thành lập phải có ít nhất 03 thành viên, gồm: Trưởng ban, Phó Trưởng ban và ủy viên. Đối với quỹ hoạt động trong phạm vi **cấp xã** thì Hội đồng quản lý quỹ thực hiện chức năng kiểm soát quỹ. | Bỏ cụm “cấp huyện” |
|  |  | Nghị định số 136/2024/NĐ-CP ngày 23/10/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 93/2019/NĐ-CP ngày 25/11/2019 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện | Khoản 8 Điều 1 (sửa đổi, bổ sung Điều 18 Nghị định 93/2019/NĐ-CP ngày 25/11/2019) | Điều 18. Thẩm quyền giải quyết các thủ tục về quỹ  1. Bộ trưởng Bộ Nội vụ có thẩm quyền cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ; cho phép hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, giải thể, đổi tên quỹ; đình chỉ có thời hạn hoạt động; cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị đình chỉ có thời hạn; công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động; công nhận thành viên Hội đồng quản lý quỹ; cấp lại giấy phép thành lập; công nhận sửa đổi, bổ sung điều lệ; mở rộng phạm vi hoạt động; thu hồi giấy phép thành lập, đối với:  a) Quỹ có phạm vi hoạt động toàn quốc hoặc liên tỉnh;  b) Quỹ có tổ chức, cá nhân nước ngoài góp tài sản với công dân, tổ chức Việt Nam để thành lập, hoạt động trong phạm vi tỉnh.  2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ; cho phép hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, giải thể, đổi tên; đình chỉ có thời hạn hoạt động; cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị đình chỉ có thời hạn; mở rộng phạm vi hoạt động quỹ; công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động; công nhận thành viên Hội đồng quản lý quỹ; cấp lại giấy phép thành lập; công nhận điều lệ sửa đổi, bổ sung; thu hồi giấy phép thành lập:  a) Quỹ hoạt động trong phạm vi cấp tỉnh;  b) Quỹ có tổ chức, cá nhân nước ngoài góp tài sản với công dân, tổ chức Việt Nam để thành lập, hoạt động trong phạm vi **cấp tỉnh, xã.**  3. **Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã** có thẩm quyền cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ; cho phép hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, giải thể, đổi tên; đình chỉ có thời hạn hoạt động; cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị đình chỉ có thời hạn; mở rộng phạm vi hoạt động quỹ; công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động; công nhận thành viên Hội đồng quản lý quỹ; cấp lại giấy phép thành lập; công nhận điều lệ sửa đổi, bổ sung; thu hồi giấy phép thành lập đối với quỹ hoạt động trong phạm vi **cấp xã**; trừ trường hợp quỹ có tổ chức, cá nhân nước ngoài góp tài sản thành lập.  4. Việc tiếp nhận hồ sơ giải quyết các thủ tục về quỹ dưới hình thức trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công của cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 18 Nghị định này. |  |
|  | Khoản 17 Điều 1 (Bổ sung khoản 5 Điều 39 Nghị định 93/2019/NĐ-CP ngày 25/11/2019) | 5. Chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể quỹ khi thay đổi địa giới hành chính:  a) Quỹ hoạt động phạm vi **tỉnh, xã** khi có sự thay đổi về địa giới hành chính do chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, Hội đồng quản lý quỹ xem xét, quyết định chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể cho phù hợp với đơn vị hành chính mới, gửi hồ sơ về cơ quan nhà nước có thẩm quyền của đơn vị hành chính mới theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 18 Nghị định này. Hồ sơ thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 39 Nghị định này | Bỏ từ “huyện” |
|  | Khoản 23 Điều 1 (Sửa đổi, bổ sung Điều 48 Nghị định 93/2019/NĐ-CP ngày 25/11/2019) | Điều 48. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh  1. Tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn các sở, ngành, Ủy ban nhân dân **cấp** **xã**, các quỹ và tổ chức, công dân tại địa phương thi hành pháp luật về quỹ.  2. Quản lý, thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về quỹ và điều lệ quỹ, tổ chức, hoạt động của quỹ hoạt động trong phạm vi tỉnh và kiến nghị xử lý vi phạm (nếu có) đối với chi nhánh, văn phòng đại diện của quỹ hoạt động trong phạm vi toàn quốc hoặc liên tỉnh đặt tại địa phương.  3. Chỉ đạo các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân **cấp** **xã** trong việc quản lý quỹ.  4. Tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ cho cán bộ, công chức làm công tác quản lý nhà nước về quỹ ở địa phương và người làm việc tại quỹ.  5. Khen thưởng hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng đối với quỹ, tổ chức, cá nhân có thành tích trong hoạt động của quỹ ở địa phương theo quy định của pháp luật.  6. Quy định, hướng dẫn, tạo điều kiện hỗ trợ hoạt động của quỹ ở địa phương.  7. Giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm có liên quan đến quyết định hành chính của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và hoạt động công vụ của cán bộ, công chức của đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh liên quan đến quỹ theo quy định của pháp luật.  8. Hàng năm, tổng hợp, báo cáo Bộ Nội vụ về tình hình tổ chức, hoạt động và quản lý quỹ hoạt động trong phạm vi **tỉnh,** **xã**, trong đó có hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện của quỹ hoạt động trong phạm vi toàn quốc hoặc liên tỉnh đặt tại địa phương.  9. Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành quy định của pháp luật về kế toán; kiểm tra hoạt động tài chính, tài sản, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý các vi phạm về tài sản, tài chính, kế toán đối với quỹ hoạt động trong phạm vi tỉnh.  10. Cập nhật cơ sở dữ liệu hội theo phân cấp quản lý; phối hợp trong xây dựng, vận hành và quản lý cơ sở dữ liệu về hội hoạt động trong phạm vi **tỉnh,** **xã**.  11. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện thẩm quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Nghị định này.  12. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật. | Bỏ cụm “cấp huyện” và “huyện” |
|  | Khoản 24 Điều 1 (Bổ sung Điều 48a Nghị định 93/2019/NĐ-CP ngày 25/11/2019) | Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã  1. Quản lý, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về quỹ và điều lệ quỹ hoạt động trong phạm vi **xã**.  2. Kiểm tra hoạt động tài chính, tài sản, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý các vi phạm về tài sản, tài chính, kế toán đối với quỹ hoạt động trong phạm vi **xã**.  3. Khen thưởng hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng quỹ, tổ chức, cá nhân có thành tích theo quy định của pháp luật.  4. Giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm liên quan đến quyết định hành chính và hoạt động công vụ của cán bộ, công chức ở các tổ chức thuộc Ủy ban nhân dân cấp **cấp** **xã** theo quy định của pháp luật.  5. Hàng năm, tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về tình hình tổ chức, hoạt động và quản lý quỹ hoạt động trong phạm vi **xã**.  6. Cập nhật cơ sở dữ liệu quỹ theo phân cấp quản lý và phối hợp trong xây dựng, vận hành, quản lý cơ sở dữ liệu về quỹ hoạt động phạm vi **xã**.  7. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp **xã** thực hiện thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Nghị định này.  8. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật. | Bỏ từ “huyện” và “cấp huyện” |
|  | Khoản 1 Điều 2 | Điều 2. Bổ sung, thay thế, bỏ một số từ, cụm từ quy định sau của Nghị định số 93/2019/NĐ-CP ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ quy định về quỹ xã hội, quỹ từ thiện  1. Bổ sung từ sau: “**xã**” sau cụm từ “Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh” tại khoản 1 Điều 22, điểm đ khoản 3 và điểm b khoản 5 Điều 41. |  |
|  | Phụ lục I. Mẫu số 02 (Điều lệ mẫu của quỹ xã hội) | Ghi chú (5)Toàn quốc hoặc liên tỉnh, trong tỉnh, xã | Bỏ từ “huyện” |
|  | Phụ lục I. Mẫu số 03 (Điều lệ mẫu của quỹ từ thiện) | Ghi chú (5) Toàn quốc hoặc liên tỉnh, trong tỉnh, xã | Bỏ từ “huyện” |
|  | Phụ lục II. Mẫu số 16. Báo cáo năm về tổ chức, hoạt động và quản lý quỹ xã hội, quỹ từ thiện | Bỏ các cụm “Quỹ có phạm vi hoạt động cấp huyện:” | Bỏ các cụm “Quỹ có phạm vi hoạt động cấp huyện:” |
|  |  | Nghị định 126/2024/NĐ-CP ngày 08/10/2024 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội | Khoản 2 Điều 8 | 2. Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cấp có thẩm quyền ở tỉnh giao nhiệm vụ đối với hội hoạt động trong phạm vi **tỉnh, xã** |  |
|  | Khoản 1 Điều 9 | 1. Cơ sở dữ liệu về hội được kết nối với Cổng dịch vụ công quốc gia và Cổng dịch vụ công của Bộ Nội vụ; cơ sở dữ liệu quốc gia khác, cơ sở dữ liệu của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và **Ủy ban nhân dân cấp xã** để hỗ trợ giải quyết các thủ tục về hội và quản lý hoạt động của các tổ chức hội theo phân cấp. |  |
|  | Khoản 4 Điều 9 | 4. Quản lý, khai thác, cung cấp thông tin cơ sở dữ liệu về hội:  a) Bộ Nội vụ chủ trì xây dựng và vận hành cơ sở dữ liệu về hội; ban hành quy chế quản lý, khai thác, vận hành cơ sở dữ liệu về hội và hướng dẫn thực hiện thủ tục hành chính bằng hình thức trực tuyến sau khi cơ sở dữ liệu về hội được xây dựng và vận hành; cấp mã số và các tài khoản định danh cho các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân **cấp** **xã** và hội;  b) Các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh**, cấp xã** và hội có trách nhiệm truy cập, khai thác cơ sở dữ liệu về hội theo quy định;  c) Bộ Nội vụ, các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, **cấp xã** và hội có trách nhiệm thường xuyên cập nhật thông tin vào cơ sở dữ liệu về hội |  |
|  | Điểm b khoản 6 Điều 10 | b) Hội hoạt động trong phạm vi tỉnh có ít nhất 50 tổ chức, công dân tại hai đơn vị hành chính **cấp xã** trở lên có đủ điều kiện, tự nguyện, có đơn đăng ký tham gia thành lập hội |  |
|  | Điểm b khoản 5 Điều 11 | Hội hoạt động trong phạm vi tỉnh có ít nhất 05 thành viên tại hai đơn vị hành chính cấp **xã** trở lên |  |
|  | Điểm c khoản 5 Điều 11 | Hội hoạt động trong phạm vi **xã** có ít nhất 03 thành viên | Bỏ từ “huyện” |
|  | Điểm c khoản 2 Điều 12 | c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định công nhận ban vận động thành lập hội hoạt động trong phạm vi xã. | Bỏ từ “huyện” |
|  | Khoản 4 Điều 15 | 4. **Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã** có thẩm quyền công nhận ban vận động thành lập hội; cho phép thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể, đổi tên, phê duyệt điều lệ; đình chỉ hoạt động có thời hạn, cho phép hoạt động trở lại đối với hội hoạt động trong phạm vi **xã**. |  |
|  | Khoản 5 Điều 21 | Nếu nghị quyết đại hội của hội hoạt động trong phạm vi **tỉnh, xã** có cùng tên gọi, lĩnh vực hoạt động chính và là hội viên tổ chức của hội hoạt động trong phạm vi toàn quốc, thống nhất thừa nhận điều lệ của hội hoạt động trong phạm vi toàn quốc thì không cần xây dựng điều lệ riêng | Bỏ từ “huyện” |
|  | Điểm b khoản 1 Điều 27 | Sau khi nhận được ý kiến của các cơ quan được lấy ý kiến, hội hoàn chỉnh đề án hoặc kế hoạch triển khai (kèm theo ý kiến của cơ quan được lấy ý kiến):  Trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, ban hành quyết định giao nhiệm vụ đối với hội hoạt động trong phạm vi toàn quốc hoặc liên tỉnh;  Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp xem xét, ban hành quyết định giao nhiệm vụ đối với hội hoạt động trong phạm vi **tỉnh, xã** theo phân cấp | Bỏ từ “huyện” |
|  | Điểm a khoản 4 Điều 32 | Hội hoạt động trong phạm vi **tỉnh, xã** khi có sự thay đổi về địa giới hành chính do chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, ban chấp hành hội xem xét, quyết định việc chia, tách, sáp nhập, hợp nhất và giải thể cho phù hợp với đơn vị hành chính mới, gửi hồ sơ về cơ quan nhà nước có thẩm quyền của đơn vị hành chính mới theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 15 Nghị định này. Hồ sơ thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều này; tên của các hội do chia, tách, sách nhập, hợp nhất gắn với tên đơn vị hành chính mới | Bỏ từ “huyện” |
|  | Khoản 3 Điều 34 | Hội gửi hồ sơ đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 15 Nghị định này và thông báo thời hạn thanh toán nợ (nếu có) cho các tổ chức, cá nhân có liên quan theo quy định của pháp luật tại trụ sở của hội, văn phòng đại diện (nếu có) trong thời gian 30 ngày làm việc đối với hội hoạt động trong phạm vi toàn quốc hoặc liên tỉnh; tại trụ sở hội trong thời gian 15 ngày làm việc đối với hội hoạt động trong phạm vi **tỉnh, xã** | Bỏ từ “huyện” |
|  | Điểm c khoản 2 Điều 35 | Thông báo về việc chuẩn bị giải thể và thời hạn thanh toán nợ, thanh lý tài sản, tài chính của hội liên tiếp trên 03 số báo viết hoặc báo điện tử ở trung ương đối với hội hoạt động trong phạm vi toàn quốc hoặc liên tỉnh, báo viết hoặc báo điện tử ở địa phương đối với hội hoạt động trong phạm vi **tỉnh, xã** | Bỏ từ “huyện” |
|  | Khoản 2 Điều 37 | Hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ hoạt động trong phạm vi **tỉnh, xã** do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định sau khi có ý kiến của cấp có thẩm quyền ở tỉnh trên cơ sở các hội đã được giao biên chế, cấp hoặc hỗ trợ về kinh phí, điều kiện hoạt động, được cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ thường xuyên, phù hợp với quy định của Đảng và điều kiện, yêu cầu nhiệm vụ cụ thể của địa phương | Bỏ từ “huyện” |
|  | Khoản 4 Điều 39 | Việc hỗ trợ cơ sở vật chất và phương tiện hoạt động đối với các hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ được căn cứ khả năng cân đối của ngân sách nhà nước (ngân sách trung ương đối với các hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ hoạt động trong phạm vi toàn quốc; ngân sách địa phương đối với các hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ hoạt động trong phạm vi **tỉnh, xã**) và khả năng huy động các nguồn lực tài chính của các hội | Bỏ từ “huyện” |
|  | Khoản 5 Điều 42 | Số lượng phó chủ tịch hội chuyên trách tại hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ hoạt động trong phạm vi tỉnh không quá 02 người, trong phạm vi **xã** không quá 01 người |  |
|  | Khoản 1 Điều 49 | Quản lý, thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về hội và điều lệ hội, tổ chức, hoạt động của hội hoạt động trong phạm vi **tỉnh,** **xã** ở địa phương và kiến nghị xử lý vi phạm (nếu có) đối với chi nhánh, văn phòng đại diện của hội hoạt động trong phạm vi toàn quốc hoặc liên tỉnh đặt tại địa phương | Bỏ từ “huyện” |
|  | Khoản 2 Điều 49 | Tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn các sở, ngành, Ủy ban nhân dân **cấp xã**, các hội và tổ chức, công dân tại địa phương thi hành pháp luật về hội | Bỏ cụm “cấp huyện” |
|  | Khoản 3 Điều 49 | Chỉ đạo các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân **cấp xã** trong việc quản lý hội | Bỏ cụm “cấp huyện” |
|  | Khoản 7 Điều 49 | Xem xét và cho phép hội hoạt động trong phạm vi **tỉnh, xã** nhận viện trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; kiểm tra, giám sát tình hình tiếp nhận, quản lý và sử dụng tài trợ, viện trợ của các hội ở địa phương theo quy định của pháp luật | Bỏ từ “huyện” |
|  | Khoản 8 Điều 49 | Quản lý biên chế của các hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ hoạt động trong phạm vi **tỉnh,** **xã** theo quy định của pháp luật và cơ quan có thẩm quyền | Bỏ từ “huyện” |
|  | Khoản 10 Điều 49 | Hàng năm, tổng hợp, báo cáo Bộ Nội vụ về tình hình tổ chức, hoạt động và quản lý hội hoạt động trong phạm vi **tỉnh,** **xã**, trong đó có hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện của hội hoạt động trong phạm vi toàn quốc hoặc liên tỉnh đặt tại địa phương | Bỏ từ “huyện” |
|  | Khoản 11 Điều 49 | Xem xét, quyết định giao nhiệm vụ cho hội hoạt động trong phạm vi **tỉnh,** **xã**phù hợp với lĩnh vực hoạt động của hội | Bỏ từ “huyện” |
|  | Khoản 12 Điều 49 | Quản lý các hoạt động đối ngoại, hội nghị, hội thảo quốc tế do hội hoạt động trong phạm vi **tỉnh, xã**tổ chức ở địa phương | Bỏ từ “huyện” |
|  | Khoản 13 Điều 49 | Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành quy định của pháp luật về kế toán; kiểm tra hoạt động tài chính, tài sản, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý các vi phạm về tài sản, tài chính, kế toán đối với hội hoạt động trong phạm vi **tỉnh, xã** | Bỏ từ “huyện” |
|  | Khoản 14 Điều 49 | Cập nhật cơ sở dữ liệu hội theo phân cấp quản lý; phối hợp trong xây dựng, vận hành và quản lý cơ sở dữ liệu về hội hoạt động trong phạm vi **tỉnh,** **xã** | Bỏ từ “huyện” |
|  | Bổ sung thêm khoản 17 Điều 49 | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm giải quyết các thủ tục giải thể của hội hoạt động trong phạm vi cấp huyện sau khi kết thúc hoạt động của đơn vị hành chính cấp huyện |  |
|  | Điều 50 | Điều 50. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã  1. Quản lý, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về hội và điều lệ hội hoạt động trong phạm vi **xã**.  2. Kiểm tra hoạt động tài chính, tài sản, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý các vi phạm về tài sản, tài chính, kế toán đối với hội hoạt động trong phạm vi **xã**.  3. Khen thưởng hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng hội, tổ chức, cá nhân có thành tích theo quy định của pháp luật.  4. Giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm liên quan đến quyết định hành chính và hoạt động công vụ của cán bộ, công chức ở các tổ chức thuộc Ủy ban nhân dân cấp **cấp xã** theo quy định của pháp luật.  5. Xem xét, quyết định giao nhiệm vụ cho hội hoạt động trong phạm vi xã phù hợp với lĩnh vực hoạt động của hội.  6. Hàng năm, tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về tình hình tổ chức, hoạt động và quản lý hội hoạt động trong phạm vi **xã**.  7. Cập nhật cơ sở dữ liệu hội theo phân cấp quản lý và phối hợp trong xây dựng, vận hành, quản lý cơ sở dữ liệu về hội hoạt động phạm vi **xã**.  8. Chủ tịch Ủy ban nhân dân **cấp xã** thực hiện thẩm quyền theo quy định tại khoản 4 Điều 15 Nghị định này.  9. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật. | Bỏ từ “huyện”, “cấp huyện” |
|  | Khoản 3 Điều 53 | 3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân **cấp xã**~~,~~ tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này |  |
|  | Mẫu số 09 | (5) Ghi rõ phạm vi hoạt động của hội: toàn quốc hoặc liên tỉnh, trong tỉnh, trong xã,....  (24) Hội quy định: (i) Hội hoạt động trong phạm vi toàn quốc hoặc liên tỉnh bầu không quá 03 phó chủ tịch chuyên trách. Số lượng phó chủ tịch không chuyên trách do hội tự quyết định nhưng không quá 03 lần số lượng phó chủ tịch chuyên trách; (ii) Hội hoạt động trong phạm vi cấp tỉnh được bầu không quá 02 phó chủ tịch chuyên trách. Số lượng phó chủ tịch không chuyên trách do hội tự quyết định nhưng không quá 03 lần số lượng phó chủ tịch chuyên trách; (iii) Hội hoạt động trong phạm vi **cấp xã** được bầu 01 phó chủ tịch chuyên trách. Số lượng phó chủ tịch không chuyên trách do hội tự quyết định nhưng không quá 03 lần số lượng phó chủ tịch chuyên trách; trừ hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ.  (28) Thủ trưởng cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép thành lập hội phê duyệt Điều lệ: Bộ trưởng Bộ Nội vụ hoặc Chủ tịch UBND cấp tỉnh hoặc Chủ tịch UBND cấp**xã** theo phân cấp. | Bỏ cụm “trong huyện”, cụm “(iv) Hội hoạt động trong phạm vi cấp xã được bầu 01 phó chủ tịch chuyên trách. Số lượng phó chủ tịch không chuyên trách do hội tự quyết định nhưng không quá 02 lần số lượng phó chủ tịch chuyên trách;” |
|  | Mẫu số 14 Phụ lục III | Bãi bỏ các cụm từ tại mẫu số 14 Phụ lục III như sau:  a) Cụm từ: “Hội hoạt động trong phạm vi huyện: …………………; trong đó số lượng hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ” tại điểm a, b, c khoản 1 Mục I mẫu số 14. Báo cáo hoạt động hội áp dụng cho địa phương.  b) Cụm từ: “Hội hoạt động trong phạm vi huyện” tại điểm a, b khoản 2 Mục I mẫu số 14. Báo cáo hoạt động hội áp dụng cho địa phương.  c) Cụm từ: “Kinh phí hỗ trợ của địa phương cho hội hoạt động trong phạm vi huyện” tại điểm a khoản 4 Mục I mẫu số 14. Báo cáo hoạt động hội áp dụng cho địa phương. | Bãi bỏ các cụm từ tại mẫu số 14 Phụ lục III như sau:  a) Cụm từ: “Hội hoạt động trong phạm vi huyện: …………………; trong đó số lượng hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ” tại điểm a, b, c khoản 1 Mục I mẫu số 14. Báo cáo hoạt động hội áp dụng cho địa phương.  b) Cụm từ: “Hội hoạt động trong phạm vi huyện” tại điểm a, b khoản 2 Mục I mẫu số 14. Báo cáo hoạt động hội áp dụng cho địa phương.  c) Cụm từ: “Kinh phí hỗ trợ của địa phương cho hội hoạt động trong phạm vi huyện” tại điểm a khoản 4 Mục I mẫu số 14. Báo cáo hoạt động hội áp dụng cho địa phương. |
| 1. **LĨNH VỰC THANH NIÊN VÀ BÌNH ĐẲNG GIỚI** | | | | | |
|  |  | Luật Thực hiện dân chủ cơ sở 2022 | Khoản 3 Điều 11 (đã được sửa đổi bởi khoản 3 Điều 57 Luật Quy hoạch Đô thị và Nông thôn) | 3. Dự án, công trình đầu tư trên địa bàn cấp xã và tiến độ thực hiện; kế hoạch thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi thu hồi đất để thực hiện dự án, công trình đầu tư trên địa bàn cấp xã; kế hoạch quản lý, sử dụng quỹ đất do cấp xã quản lý; kế hoạch cho thuê đất thuộc quỹ đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích của cấp xã; quy hoạch chung xã và quy hoạch chi tiết khu vực xây dựng được xác định trong quy hoạch chung xã; quy hoạch chung thị trấn, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết được lập cho khu vực thuộc phạm vi xã, thị trấn | Bãi bỏ nội dung “Quy hoạch chung huyện” và “thuộc phạm vị huyện” |
|  | Khoản 2 Điều 25 | Dự thảo quy hoạch sử dụng đất **cấp xã** và phương án điều chỉnh; việc quản lý, sử dụng quỹ đất được giao cho Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý |  |
|  | Khoản 2 Điều 83 | 1. Bộ Nội vụ có trách nhiệm sau đây:    1. Giúp Chính phủ quản lý nhà nước về thực hiện dân chủ tại cấp xã, cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, **ở tổ chức có sử dụng lao động;**    2. Theo dõi, kiểm tra, tổng hợp, báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện dân chủ ở cơ sở. | Bổ sung nội dung “ở tổ chức có sử dụng lao động”  Bãi bỏ khoản 3 Điều 83 |
|  |  | Nghị định số 56/2012/NĐ-CP quy định trách nhiệm của Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp trong việc bảo đảm cho các cấp Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam tham gia quản lý nhà nước | Điều 1 | Nghị định này quy định trách nhiệm của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ (sau đây gọi chung là các Bộ, ngành); Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân các cấp) trong việc bảo đảm cho Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Hội Liên hiệp Phụ nữ xã, phường, đặc khu (sau đây gọi chung là các cấp Hội Liên hiệp Phụ nữ) tham gia quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật. | Bãi bỏ nội dung thuộc cấp huyện |
|  |  | Nghị định số 112/2017/NĐ-CP ngày 06/10/2017 của Chính phủ quy định về chế độ, chính sách đối với thanh niên xung phong cơ sở ở miền Nam tham gia kháng chiến giai đoạn 1965 - 1975 | Khoản 5 Điều 9 | 5. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày hết thời hạn niêm yết kết quả xét duyệt hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện (qua Phòng Nội vụ kèm theo hồ sơ của đối tượng, biên bản hội nghị liên tịch và bản niêm yết kết quả xét duyệt hồ sơ) | Bỏ cấp trung gian |
|  | Điểm b, d, đ Khoản 2 Điều 10 | 1. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Ủy ban nhân dân cấp xã kiểm tra, làm văn bản đề nghị theo Mẫu số 11A, kèm theo danh sách đề nghị trợ cấp mai táng theo mẫu số 11B tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này và gửi hồ sơ đến Sở Nội vụ. 2. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định do Ủy ban nhân dân cấp xã chuyển đến, Sở Nội vụ kiểm tra, tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định hưởng trợ cấp mai táng đối với thân nhân hoặc người lo mai táng cho thanh niên xung phong cơ sở ở miền Nam. 3. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày có quyết định hưởng trợ cấp mai táng, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm chi trả cho thân nhân hoặc người lo mai táng cho thanh niên xung phong cơ sở ở miền Nam | Bỏ cấp trung gian (cấp huyện) |
|  | Mẫu 11A | |  |  | | --- | --- | | **UBND XÃ (PHƯỜNG)…… -------**  Số: ……./…….. V/v đề nghị hưởng trợ cấp mai táng | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ---------------**  *……., ngày …. tháng …. năm ……* |   Kính gửi: …………………………………….  Căn cứ Nghị định số……/…./NĐ-CP ngày…tháng…năm… của Chính phủ quy định về chế độ, chính sách đối với thanh niên xung phong cơ sở ở miền Nam tham gia kháng chiến giai đoạn 1965 - 1975; Ủy ban nhân dân xã (phường).............đề nghị xem xét, giải quyết trợ cấp mai táng đối với thân nhân của thanh niên xung phong cơ sở ở miền Nam tham gia kháng chiến giai đoạn 1965 - 1975, như sau:  - Tổng số đối tượng:.....................................................................................  - Tổng số tiền:..............................................................................................  Các đối tượng trên đã được xét duyệt theo quy định.  *(có danh sách và hồ sơ kèm theo)*  Đề nghị…………………………….xem xét và giải quyết./.   |  |  | | --- | --- | | ***Nơi nhận:*** - Như trên; - Lưu: ….. | **TM. UBND XÃ (PHƯỜNG)….. CHỦ TỊCH** *(Ký tên, đóng dấu)* | |  |
|  | Mẫu 11C | |  |  | | --- | --- | | **UBND XÃ (PHƯỜNG)…… -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ---------------** |   **DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG TỪ TRẦN ĐỀ NGHỊ TRỢ CẤP MAI TÁNG THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ ...../...../NĐ-CP**  *(Kèm theo Công văn số..../... ngày...tháng......năm......của..........)*   |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | Số TT | Họ và tên | Ngày, tháng, năm sinh | Số Quyết định hưởng trợ cấp một lần | Ngày, tháng, năm từ trần | Thân nhân/người có mai táng được hưởng trợ cấp | | Mức Hưởng  (đồng) | | Họ và tên | Số định danh cá nhân | |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  |   Tổng số đối tượng:...............................................  .....,ngày....tháng....năm......   |  |  | | --- | --- | | **NGƯỜI LẬP**  *(Ký, ghi rõ họ tên)* | **THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ** *(Ký tên, đóng dấu)* | |  |
|  |  | Nghị định số 17/2021/NĐ-CP ngày 09/3/2021 của Chính phủ quy định về chính sách đối với thanh niên xung phong, thanh niên tình nguyện | Điểm b khoản 2 Điều 17 | Gửi kế hoạch tổ chức hoạt động tình nguyện trước khi tổ chức hoạt động tình nguyện đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi diễn ra hoạt động tình nguyện; đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nếu hoạt động tình nguyện diễn ra trên địa bàn hai xã trở lên | Bỏ nội dung thuộc thẩm quyền của Uỷ ban nhân dân cấp huyện.  Sửa thẩm quyền cho UBND cấp tỉnh nếu hoạt động thanh niên tình nguyện diễn ra trên địa bàn 2 xã trở lên |
|  | Điều 18 | Điều 18. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã đối với thanh niên tình nguyện  1. Thông báo việc đồng ý tiếp nhận hoạt động tình nguyện tại địa phương với cơ quan, tổ chức, đơn vị tổ chức hoạt động tình nguyện theo thẩm quyền (về mục tiêu, phạm vi, nội dung, số lượng, thành phần thanh niên tham gia hoạt động tình nguyện); trường hợp không đồng ý phải nêu rõ lý do.  2. Tạo điều kiện, bảo đảm an ninh, trật tự để các cơ quan, tổ chức, cá nhân hoạt động tình nguyện theo đúng kế hoạch tổ chức hoạt động tình nguyện.  3. Tạm dừng hoặc chấm dứt các hoạt động tình nguyện vi phạm pháp luật hoặc không đúng với kế hoạch tổ chức hoạt động tình nguyện.  4. Báo cáo, đề xuất cấp có thẩm quyền xử lý, giải quyết kịp thời trường hợp vi phạm pháp luật xảy ra trong hoạt động tình nguyện trên địa bàn.  5. Cấp Giấy chứng nhận tham gia hoạt động tình nguyện cho thanh niên tình nguyện tham gia chương trình, đề án, dự án theo thẩm quyền. | Bỏ tên Điều liên quan đến trách nhiệm của UBND cấp huyện |
| 1. **LĨNH VỰC TỔ CHỨC CÁN BỘ** | | | | | |
|  |  | Nghị định số 25/2025/NĐ-CP ngày 21/02/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ | Điểm a khoản 5 Điều 2 | Trình Chính phủ đề án cơ cấu tổ chức của Chính phủ theo nhiệm kỳ Quốc hội; đề án về thành lập mới, sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; dự thảo nghị định quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (gọi chung là cấp tỉnh), Ủy ban nhân dân **cấp xã** |  |
|  | Điểm đ Khoản 7 Điều 2 | Chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan tổ chức thẩm định hồ sơ thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính cấp xã; quyết định phân loại đơn vị hành chính **cấp xã** | Bỏ cụm “cấp huyện” |

1. **NHIỆM VỤ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC THUỘC THẨM QUYỀN CẤP TỈNH**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | | **Văn bản quy định** | **Điều khoản quy định** | **Nội dung sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ** | **Ghi chú** |
| 1. **LĨNH VỰC VIỆC LÀM, AN TOÀN LAO ĐỘNG** | | | | | |
|  |  | Luật An toàn, vệ sinh lao động năm 2015 | Khoản 2 Điều 36 | Định kỳ 06 tháng, hằng năm, Ủy ban nhân dân cấp xã thống kê, báo cáo tai nạn lao động, sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động nghiêm trọng liên quan đến người lao động làm việc không theo hợp đồng lao động quy định tại điểm d khoản 1 Điều 34 của Luật này cơ quan quản lý nhà nước **về lao động cấp tỉnh** |  |
|  |  | Nghị định 39/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động | Khoản 2 Điều 15 | Đoàn điều tra tai nạn lao động đến ngay nơi xảy ra tai nạn, yêu cầu người sử dụng lao động, cơ quan có thẩm quyền cung cấp các tài liệu, hồ sơ, phương tiện có liên quan đến vụ tai nạn và phối hợp với **Công an cấp tỉnh** tiến hành điều tra tại chỗ để lập biên bản khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm thương tích, thu thập dấu vết, chứng cứ, tài liệu có liên quan đến vụ tai nạn; |  |
|  | Khoản 2 Điều 24 | Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo tai nạn lao động, sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động nghiêm trọng liên quan đến người lao động làm việc không theo hợp đồng lao động xảy ra trên địa bàn theo quy định tại Khoản 2 Điều 36 Luật An toàn, vệ sinh lao động với **Sở Nội vụ** theo mẫu quy định Phụ lục XVI ban hành kèm theo Nghị định này trước ngày 05 tháng 7 đối với báo cáo 6 tháng đầu năm và trước ngày 05 tháng 01 năm sau đối với báo cáo năm |
|  | Khoản 3 Điều 24 | **Ủy ban nhân dân cấp xã** tổng hợp tai nạn lao động, sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động nghiêm trọng liên quan đến người lao động làm việc không theo hợp đồng lao động xảy ra trên địa bàn, báo cáo **Sở Nội vụ** theo mẫu quy định Phụ lục XVI ban hành kèm theo Nghị định này trước ngày 10 tháng 7 đối với báo cáo 6 tháng đầu năm và trước ngày 10 tháng 01 năm sau đối với báo cáo năm. |
|  | Điểm b khoản 3 Điều 26 | Đối với sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động nghiêm trọng xảy ra liên quan đến nhiều cơ sở sản xuất, kinh doanh, địa phương thì người sử dụng lao động, địa phương nơi xảy ra sự cố có trách nhiệm báo ngay về Ủy ban nhân dân **cấp tỉnh** |
|  |  | Nghị định số 143/2024/NĐ-CP ngày 01/11/2024 của Chính phủ quy định về bảo hiểm tai nạn lao động theo hình thức tự nguyện đối với người lao động làm việc không theo hợp đồng lao động | Điểm a khoản 4 Điều 18 | 4. Sau khi nhận được thông tin khai báo xảy ra tai nạn lao động đối với người lao động tham gia bảo hiểm tai nạn lao động tự nguyện trên địa bàn, **Sở Nội vụ** nơi xảy ra tai nạn thành lập **Đoàn điều tra tai nạn lao động cấp tỉnh để tiến hành điều tra. Đoàn điều tra thực hiện nhiệm vụ, trình tự thủ tục điều tra tai nạn lao động của Đoàn điều tra tai nạn lao động cấp tỉnh theo quy định của Điều 35 Luật An toàn, vệ sinh lao động và văn bản quy định tiết, hướng dẫn thi hành của Chính phủ** |  |
|  | Điểm c khoản 1 Điều 20 | c) Ủy ban nhân dân **cấp xã** nơi xảy ra tai nạn và Đoàn điều tra tai nạn lao động cấp tỉnh đã điều tra vụ tai nạn lao động có trách nhiệm cung cấp đầy đủ tài liệu, đồ vật, phương tiện có liên quan đến vụ tai nạn lao động cho Đoàn điều tra lại tai nạn lao động cấp trung ương đối với tai nạn xảy ra cho người lao động; |  |
|  |  | Nghị định 61/2015/NĐ-CP quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 74/2019/NĐ-CP) | Khoản 1 Điều 4 | Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân **cấp tỉnh**, thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có dự án, hoạt động thực hiện chính sách việc làm công về phạm vi, nội dung công việc cần thực hiện; chất lượng, tiến độ công việc cần đạt được và nhu cầu sử dụng lao động tham gia thực hiện chính sách việc làm công. |  |
| 1. **LĨNH VỰC TIỀN LƯƠNG – BẢO HIỂM XÃ HỘI** | | | | | |
|  |  | Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động | Điều 93 | **Điều 93. Bổ nhiệm hòa giải viên lao động**  1. Lập kế hoạch tuyển chọn, bổ nhiệm hòa giải viên lao động  Quý I hằng năm, **Sở Nội vụ** chủ trì, phối hợp với **cơ quan chuyên môn thuộc Uỷ ban nhân dân cấp xã** rà soát nhu cầu tuyển chọn, bổ nhiệm hòa giải viên lao động trên địa bàn tỉnh để xây dựng kế hoạch trình **Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh** phê duyệt.  2. Trình tự, thủ tục tuyển chọn, bổ nhiệm hòa giải viên lao động  a) Căn cứ kế hoạch tuyển chọn, bổ nhiệm hòa giải viên lao động được **Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh** phê duyệt, **Sở Nội vụ** chủ trì, phối hợp với **cơ quan chuyên môn thuộc Uỷ ban nhân dân cấp xã** có văn bản thông báo công khai việc tuyển chọn hòa giải viên lao động trên địa bàn thông qua cổng thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị và trên phương tiện thông tin đại chúng.  b) Trong thời hạn đăng ký ghi trong thông báo tuyển chọn hòa giải viên lao động của **Sở Nội vụ**, cá nhân trực tiếp đăng ký hoặc được các cơ quan, đơn vị của nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội và các tổ chức khác giới thiệu tham gia dự tuyển hòa giải viên lao động với **Sở Nội vụ** hoặc **cơ quan chuyên môn thuộc Uỷ ban nhân dân cấp xã.**  c) Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày hết hạn nộp hồ sơ ghi trong thông báo tuyển chọn hòa giải viên lao động, **Sở Nội vụ** tổng hợp hồ sơ, bao gồm cả hồ sơ trực tiếp tiếp nhận và hồ sơ do **cơ quan chuyên môn thuộc Uỷ ban nhân dân cấp xã** gửi; lập danh sách bổ nhiệm hòa giải viên lao động trình **Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh** xem xét, bổ nhiệm;  đ) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của **Sở Nội vụ**, **Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh** xem xét, quyết định bổ nhiệm hòa giải viên lao động. Thời hạn bổ nhiệm hòa giải viên lao động tối đa không quá 05 năm.  3. Bổ nhiệm lại hòa giải viên lao động  b) Căn cứ kế hoạch tuyển chọn, bổ nhiệm hòa giải viên lao động hằng năm đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt; kết quả rà soát tiêu chuẩn, đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ của hòa giải viên lao động, trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn đề nghị bổ nhiệm lại của hòa giải viên lao động, **Sở Nội vụ** có văn bản trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;  4. **Sở Nội vụ** công khai, cập nhật, đăng tải danh sách họ tên, địa bàn phân công hoạt động, số điện thoại, địa chỉ liên hệ của hòa giải viên lao động được bổ nhiệm, bổ nhiệm lại trên cổng thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị và thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng tại địa phương để người lao động, người sử dụng lao động biết và liên hệ. |  |
|  | Khoản 2 Điều 94 | 2. Trình tự, thủ tục miễn nhiệm hòa giải viên lao động  b) Đối với các trường hợp quy định tại các điểm b, c, d, và đ khoản 1 Điều này, **Sở Nội vụ** rà soát, đánh giá trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, miễn nhiệm hòa giải viên lao động; |  |
|  | Điều 95 | 1. Việc cử hòa giải viên lao động thực hiện nhiệm vụ hòa giải do **Sở Nội vụ** phân công thực hiện theo quy chế quản lý hòa giải viên lao động.  2. Trình tự, thủ tục cử hòa giải viên lao động  a) Đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp lao động, tranh chấp về hợp đồng đào tạo nghề và yêu cầu hỗ trợ phát triển quan hệ lao động được gửi đến **Sở Nội vụ** hoặc hòa giải viên lao động.  Trường hợp hòa giải viên lao động trực tiếp nhận đơn yêu cầu từ đối tượng tranh chấp đề nghị giải quyết thì trong thời hạn 12 giờ kể từ khi tiếp nhận đơn, hòa giải viên lao động phải chuyển cho **Sở Nội vụ** để phân loại xử lý;  b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu, **Sở Nội vụ** có trách nhiệm phân loại, chủ trì, phối hợp với **cơ quan chuyên môn thuộc Uỷ ban nhân dân cấp xã** để có văn bản cử hòa giải viên lao động giải quyết theo quy định.  Trường hợp tiếp nhận đơn từ hòa giải viên lao động theo quy định tại điểm a khoản này thì trong thời hạn 12 giờ kể từ khi tiếp nhận đơn, **Sở Nội vụ** chủ trì, phối hợp **cơ quan chuyên môn thuộc Uỷ ban nhân dân cấp xã** để có văn bản cử hòa giải viên lao động theo quy định.  3. Tùy theo tính chất phức tạp của vụ việc, **Sở Nội vụ** chủ trì, phối hợp **cơ quan chuyên môn thuộc Uỷ ban nhân dân cấp xã** cử một hoặc một số hòa giải viên lao động cùng tham gia giải quyết. |  |
| 1. **LĨNH VỰC THI ĐUA KHEN THƯỞNG** | | | | | |
|  |  | Luật Thi đua, khen thưởng 2022 | Khoản 1 Điều 29 | Danh hiệu xã, phường, **đặc khu tại hải đảo** tiêu biểu để tặng hằng năm cho xã, phường, **đặc khu tại hải đảo** dẫn đầu phong trào thi đua **cấp tỉnh** và đạt các tiêu chuẩn sau đây |  |
|  |  | Nghị định số 56/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Pháp lệnh quy định danh hiệu vinh dự Nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng” | Điểm b khoản 2 Điều 5 | 2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định có trách nhiệm:  …  b) Lập hồ sơ (03 bộ), ký Tờ trình kèm theo danh sách trình **Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.** |  |
|  |  | Nghị định số 28/2024/NĐ-CP ngày 06/3/2024 của Chính phủ quy định chi tiết về trình tự, thủ tục xét tặng, truy tặng “Huy chương Thanh niên xung phong vẻ vang” và việc khen thưởng tổng kết thành tích kháng chiến | Khoản 1 Điều 4 | Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ đạo việc thẩm định hồ sơ đề nghị xét tặng, truy tặng “Huy chương Thanh niên xung phong vẻ vang” trên địa bàn, trình **Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh** xem xét, đề nghị khen thưởng. |  |
| Điểm d khoản 2 Điều 8 | Trình **Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh** xem xét, đề nghị khen thưởng đối với các trường hợp đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định, hồ sơ có 01 bộ (bản chính), gồm: Tờ trình kèm theo danh sách các trường hợp đề nghị tặng, truy tặng “Huy chương Thanh niên xung phong vẻ vang” và các tệp tin điện tử của hồ sơ đề nghị khen thưởng. Biên bản họp xét các trường hợp đề nghị tặng, truy tặng “Huy chương Thanh niên xung phong vẻ vang”. Hồ sơ đề nghị tặng, truy tặng “Huy chương Thanh niên xung phong vẻ vang” theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định này |  |
| 1. **LĨNH VỰC VĂN THƯ VÀ LƯU TRỮ NHÀ NƯỚC** | | | | | |
|  |  | Luật Lưu trữ 2024 | Điểm b khoản 3 Điều 9 | Tài liệu lưu trữ hình thành trong quá trình hoạt động của cơ quan, tổ chức ở cấp tỉnh, **cấp xã** và đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt; đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; doanh nghiệp nhà nước do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập và cơ quan, tổ chức, cá nhân không quy định tại các điểm **a và d** khoản này | Bỏ từ “c” vì lý do điểm “c” quy định: “tài liệu lưu trữ hình thành trong quá trình hoạt động của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã” |
|  | Khoản 2 Điều 18 | Cơ quan, tổ chức nộp hồ sơ, tài liệu vào lưu trữ lịch sử của Nhà nước ở địa phương được quy định như sau:  c) Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Văn phòng Hội đồng nhân dân và **Ủy ban nhân dân cấp xã.**  Văn phòng Hội đồng nhân dân và **Ủy ban nhân dân cấp xã** làm đầu mối nộp hồ sơ, tài liệu lưu trữ của các cơ quan quy định tại điểm này;  d) Cơ quan chuyên môn khác thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, **cấp xã**; Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, **cấp khu vực**; tổ chức trực thuộc cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước; đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp của trung ương được tổ chức, hoạt động theo ngành dọc ở cấp tỉnh, **cấp xã**; doanh nghiệp nhà nước do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập. |  |
|  | Điểm b khoản 1 Điều 55 | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra về hoạt động dịch vụ lưu trữ theo thẩm quyền quản lý; giải quyết khiếu nại, tố cáo về hoạt động dịch vụ lưu trữ theo quy định của pháp luật |  |
| 1. **LĨNH VỰC NGƯỜI CÓ CÔNG** | | | | | |
|  |  | Nghị định 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng | Khoản 3 Điều 65 | 3. Giấy xác nhận về khen thưởng tổng kết thành tích kháng chiến và thời gian hoạt động kháng chiến thực tế của cơ quan Thi đua - Khen thưởng **cấp tỉnh** trở lên. |  |
|  | Khoản 3 Điều 68 | 3. Giấy xác nhận về khen thưởng tổng kết thành tích kháng chiến và quá trình tham gia giúp đỡ cách mạng của cơ quan Thi đua - Khen thưởng **cấp tỉnh** trở lên đối với trường hợp không có tên trong các giấy tờ quy định tại khoản 1 Điều này nhưng có tên trong hồ sơ khen thưởng. |  |
|  | Điểm c khoản 2 Điều 74 | c) Gửi biên bản họp Hội đồng đề nghị xác nhận liệt sĩ, biên bản niêm yết công khai, kèm theo giấy tờ, hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này đến Ban Chỉ huy quân sự **cấp tỉnh** (đối với người hy sinh, mất tích thuộc quân đội) hoặc Công an **cấp tỉnh** (đối với người hy sinh, mất tích thuộc công an). |  |
|  | Khoản 1 Điều 78 | 1. Người bị thương lập bản khai theo Mẫu số 08 Phụ lục I Nghị định này và tùy từng trường hợp để kèm theo giấy tờ quy định tại Điều 76 Nghị định này gửi cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý (Ban Chỉ huy quân sự **cấp tỉnh** hoặc trung đoàn và tương đương). |  |
| 1. **LĨNH VỰC THANH NIÊN VÀ BÌNH ĐẲNG GIỚI** | | | | | |
|  |  | Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở 2022 | Khoản 3 Điều 86 | 3. Tại nơi không có đơn vị hành chính cấp xã, Hội đồng nhân dân và **Ủy ban nhân dân cấp tỉnh** thực hiện các nhiệm vụ của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định của Luật này. |  |